**Bài 2**

**GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG**

**(Văn bản nghị luận - 13 tiết)**

**Tiết theo PPCT: 14,15**

**VĂN BẢN 1: VỀ HÌNH TƯỢNG BÀ TÚ TRONG BÀI “THƯƠNG VỢ”**

**(Chu Văn Sơn)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác, lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**2. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, tivi, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

- Các mẫu PHT để HS thực hiện; trang web học tập của lớp và các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết chủ điểm bài học và bước đầu trả lời câu hỏi lớn của bài học.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và câu hỏi lớn của bài học.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hai HS thảo luận về các câu câu hỏi:  - Theo em, văn chương có vai trò gì trong đời sống của con người? Em hãy lấy một ví dụ để chứng minh.  - (2) Văn chương góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn bằng những cách nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo trình tự (1) 🡪 (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) HS trình bày một hình ảnh mà bản thân dùng để nói về văn chương và lí giải.  (2) HS trình bày ý kiến về những cách văn chương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học. | (1) Vai trò của văn chương:  + Khơi dậy tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước  *Việt Nam đất nước ta ơi*  *Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*  *(Nguyễn Đình Thi – Việt Nam quê hương ta)*  + Khơi dậy sự biết ơn, cảm phục đối với những anh hùng dân tộc,...  *Không có kính, rồi xe không có đèn,*  *Không có mui xe, thùng xe có xước,*  *Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:*  *Chỉ cần trong xe có một trái tim.*  *(Phạm Tiến Duật – Bài thơ về tiểu đội xe không kính)*  + Khơi gợi sự đồng cảm, thấu hiểu giữa người với người: truyện ngắn *Vợ nhặt, Chí Phèo,...*  + Nuôi dưỡng tình cảm gia đình: *Bức tranh của em gái tôi*  *Mấy ngày mẹ về quê*  *Là mấy ngày bão nổi*  *Con đường mẹ đi về*  *Cơn mưa dài chặn lối.*  *(Đặng Hiển – Mẹ vắng nhà ngày bão)*  (2) Hs tự chia sẻ |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** HS nhận biết nhiệm vụ học tập.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc tên chủ điểm, khung *Yêu cầu cần đạt*, đọc lướt nhan đề các VB trong chủ điểm và trả lời câu hỏi:  - Chúng ta sẽ học điều gì khi đọc VB 1, VB 2 và VB Đọc mở rộng theo thể loại?  - VB Đọc kết nối chủ điểm có mối quan hệ như thế nào với ba VB còn lại? Chúng ta đọc VB Đọc kết nối chủ điểm để làm gì?  \* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  \* Báo cáo, thảo luận: 2 đến 3 HS trả lời. Các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.  \* Kết luận, nhận định: GV tóm lược, nhận xét câu trả lời của HS và kết luận: | - Thông qua việc đọc VB 1 (Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”), VB 2 (Ý nghĩa văn chương), VB Đọc mở rộng theo thể loại (Tính đa nghĩa trong bài “Bánh trôi nước”), chúng ta sẽ học kĩ năng **đọc VB nghị luận**.  - Thông qua việc đọc VB Đọc kết nối chủ điểm (Thơ ca), trong mối liên hệ với ba VB còn lại, chúng ta sẽ hiểu thêm về chủ điểm Giá trị của văn chương, đồng thời có cái nhìn sâu sắc hơn để trả lời câu hỏi lớn ở đầu bài học. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

**1.1. Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong văn bản nghị luận**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được tri thức nền về bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan trong VB nghị luận.

- Nhận biết khái niệm, đặc điểm cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong VB nghị luận.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, phần ghi chú của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Nhóm 2 HS thực hiện bài tập theo **PHT số 1** để tìm hiểu về bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan  (2) Cá nhân HS đọc *Tri thức Ngữ văn* mục *Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong VB nghị luận*, tìm ý chính và điền vào **PHT số 2**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo trình tự (1) 🡪 (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) 2 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung  (2) HS nêu phần trả lời trong bảng. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  (3) HS nêu câu hỏi từ phần phân tích ví dụ của GV (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận về cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong VB nghị luận |  |
| ***.***  **PHT số 1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Ngữ liệu** | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan** | **Lí giải** | | 1 | Ma-la-la Diu-sa-phdai (Malala Yousafzai) đã được trao giải Nô-ben (Nobel) Hoà bình năm 17 tuổi. |  |  |  | | 2 | Điện thoại thông minh mang đến những tiện ích giúp việc liên lạc thuận tiện hơn. |  |  |  | | 3 | Dự đoán trong mười năm tới, trí tuệ nhân tạo sẽ chiếm lĩnh thị trường lao động. |  |  |  | | 4 | Tôi cho rằng hiện nay các bạn trẻ đang thiếu định hướng trong việc chọn nghề. |  |  |  | | 5 | *Chiếc lá cuối cùng* của Ô- Henri (O’ Henry) là một truyện ngắn vô cùng cảm động. |  |  |  |   **Gợi ý PHT số 1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Ngữ liệu** | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan** | **Lí giải** | | 1 | Ma-la-la Diu-sa-phdai (Malala Yousafzai) đã được trao giải Nô-ben (Nobel) Hoà bình năm 17 tuổi. | X |  | Sự việc xảy ra trong thực tế, có thể kiểm chứng. | | 2 | Điện thoại thông minh mang đến những tiện ích, giúp việc liên lạc thuận tiện hơn. | X |  | Những tiện ích điện thoại thông minh mang đến có thể kiểm chứng trong thực tế. | | 3 | Dự đoán trong mười năm tới, trí tuệ nhân tạo sẽ chiếm lĩnh thị trường lao động. |  | X | Dự đoán tương lai, không có cơ sở kiểm chứng trong thực tế. | | 4 | Tôi cho rằng hiện nay các bạn trẻ đang thiếu định hướng trong việc chọn nghề. |  | X | Phán đoán chủ quan của người viết (“Tôi cho rằng”). | | 5 | *Chiếc lá cuối cùng* của Ô- Henri (O’ Henry) là một truyện ngắn vô cùng cảm động. |  | X | Nhận xét thể hiện tính chủ quan (“cảm động”: cảm xúc chủ quan, mang tính cá nhân) |   **PHT số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cách trình bày vấn đề** | **Đặc điểm** | **Tác dụng** | | Cách trình bày vấn đề khách quan | ... | .... | | Cách trình bày vấn đề chủ quan | ... | ... | | Kết hợp cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan sẽ giúp … | | |   **Gợi ý PHT số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cách trình bày**  **vấn đề** | **Đặc điểm** | **Tác dụng** | | Cách trình bày vấn đề khách quan | Chỉ đưa thông tin, nêu ra các bằng chứng khách quan | Tạo cơ sở vững chắc, đảm bảo tính chính xác, đúng đắn cho các lập luận | | Cách trình bày vấn đề chủ quan | Đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết | Tác động đến cảm xúc của người đọc, khơi gợi sự đồng cảm, mối quan tâm của người đọc về những vấn đề được bàn luận | | Kết hợp cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan sẽ giúp tạo nên sức thuyết phục của VB nghị luận | | |   ***.*** | |

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: *Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”***

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Chia sẻ một vài suy nghĩ, cảm nhận về bài thơ *Thương vợ*, kích hoạt kiến thức nền về chủ đề VB sẽ đọc.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu hỏi *Chuẩn bị đọc*.

***c. Tổ chức thực hiện: Nguyễn Nhâm 779***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Nhóm hai HS thảo luận về câu hỏi *Chuẩn bị đọc: Hs làm việc cá nhân theo* ***PHT số 4****:* Chia sẻ một vài suy nghĩ, cảm nhận của em về bài *Thương vợ* (Trần Tế Xương) theo một số gợi ý sau:  +Câu thơ nào em yêu thích nhất? Vì sao?  + Từ ngữ, hình ảnh nào em cho là đặc sắc? Vì sao?  + Em có cảm nhận gì về hình ảnh người vợ trong bài thơ?  + Em suy nghĩ gì về tình cảm người chồng dành cho vợ trong bài thơ?  - Cách 2: Hs tham gia trò chơi Hoa 5 cánh  Cách 2: GV tổ chức trò chơi “Hoa 5 cánh”. Trong 5 cánh hoa sẽ chứa các từ khóa liên quan đến chủ đề của bài học. Để lật mở được các cánh hoa, Hs sẽ trả lời câu hỏi tương ứng.  + Câu 1: Bài thơ Thương vợ viết theo thể thơ gì?  + Câu 2: Một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật thường có bố cục như thế nào?  + Câu 3: “Cái cò” trong câu ca dao sau ẩn dụ cho ai?  *Cái cò lặn lội bờ sông, Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non.*  + Câu 4: Vấn đề bàn luận trong văn bản nghị luận được gọi là gì?  + Câu 5: Bài thơ Thương vợ của tác giả nào?  Theo em, 5 từ khóa vừa lật mở nói về đối tượng nào?  \* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ.  \* Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày ý kiến. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  \* Kết luận, nhận định: GV tổng kết các ý kiến của HS, dẫn dắt vào phần đọc VB. | - Cách 1:Hs chia sẻ  - Cách 2:  Câu 1: Thất ngôn bát cú Đường luật (lật mở từ THỦY CHUNG)  Câu 2: Đề – thực – luật – kết (lật mở từ TẦN TẢO)  Câu 3: Người phụ nữ (lật mở từ CAM CHỊU)  Câu 4: Luận đề (lật mở từ GIÀU ĐỨC HI SINH)  Câu 5: Tú Xương/ Trần Tế Xương (lật mở từ CHỊU THƯƠNG CHỊU KHÓ)  **🡪 PHỤ NỮ** |

******

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-*HS đọc thầm VB, tự ghi chép và trả lời câu hỏi *Theo dõi, Suy luận* trong SGK.  1. Theo dõi: Xác định một số từ ngữ, câu văn cho thấy cảm nhận, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn này.  2. Suy luận: Tác giả so sánh câu thơ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng” với câu ca dao “Cái cò lặn lội bờ sông” nhằm mục đích gì?  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm (HS có thể làm dưới hình thức video hoặc Inphographic)  \* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc VB, ghi chép ý chính, từ khoá, ý tưởng và tìm câu trả lời cho câu hỏi Theo dõi, Suy luận trong SGK.  \* Báo cáo, thảo luận: Một vài HS trình bày kết quả trả lời hai câu hỏi Theo dõi, Suy luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  \* Kết luận, nhận định: GV tóm tắt ý kiến của HS và bổ sung: | **2.2.1 Đọc**  - HS đọc  - Câu hỏi trong hộp chỉ dẫn  Gợi ý:  **Câu 1** (Theo dõi): Một số từ ngữ, câu văn cho thấy cảm nhận, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn:   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ** | **Câu văn** | | - “người chồng thì miệt mài đèn sách”  - “thời buổi Tây Tàu nhộn nhạo này”  - “cuộc đời phiền tạp”,… | - “Khi mà đô thị hoá đã làm ra cái cảnh “phố nửa làng” ở đất Vị Xuyên này, thì bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt”  - “Mà đó là cuộc bươn chải không có kết thúc”  - “Bươn chải đã thành số phận của bà”  - … |   **Câu 2** (Suy luận): Tác giả so sánh câu thơ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng” với câu ca dao “Cái cò lặn lội bờ sông” nhằm mục đích nhấn mạnh sự độc đáo trong bài thơ Thương vợ: hình ảnh người vợ hoàn toàn nhẫn nại, không chút kêu than; tiếng lòng trầm uất của người chồng yêu thương vợ.  **2.2.1. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Chu Văn Sơn (1962 – 2019): nhà giáo, nhà phê bình văn học, nhà văn  - Ông có nhiều tác phẩm đặc sắc trên cả hai lĩnh vực phê bình và sáng tác văn học  - Tác phẩm tiêu biểu: Thơ, điệu hồn và cấu trúc; Ba đỉnh cao Thơ mới (tiểu luận, phê bình văn học); Tự tình cùng Cái Đẹp (tuỳ bút, tản văn),  **b. Tác phẩm**  - Thể loại: văn bản nghị luận.  - Xuất xứ: in trong Tác phẩm văn học trong nhà trường – những vấn đề trao đổi, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.  - Bố cục đoạn trích  + Phần 1 (từ đầu đến số phận của bà) : Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo.  + Phần 2 (tiếp theo đến...hay nhất của bài thơ): Hình tượng bà Tú trong hai câu đề.  + Phần 3 (tiếp theo đến... lời chao giọng chát): Hình tượng bà Tú trong hai câu thực.  + Phần 4 (đoạn còn lại): Hình tượng bà Tú trong hai câu luận. |

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

***2.3.1. Tìm hiểu cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong đoạn đầu***

***a. Mục tiêu:*** Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS trả lời câu 1 trong SGK theo **PHT số 5**: Xác định cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong đoạn đầu tiên của VB.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận về cách thức phân biệt cách trình bày vấn đề chủ quan và cách trình bày vấn đề khách quan trong VB nghị luận. | |  |  | | --- | --- | | **Cách trình bày vấn đề khách quan** | **Cách trình bày vấn đề chủ quan** | | Thể hiện qua các thông tin, bằng chứng khách quan:  - Đặc điểm gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo (*Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo…*)  - Đặc điểm bối cảnh xã hội Tây Tàu nhộn nhạo và ảnh hưởng của bối cảnh xã hội ấy đến gia đình (*nền tảng của kiểu gia đình ấy đã đến hồi lung lay khi bước vào buổi Tây Tàu nhộn nhạo này… khi mà đô thị hoá đã làm ra cái cảnh “phố nửa làng” ở đất Vị Xuyên này…*)  - Đặc điểm cuộc đời bà Tú: bươn chải để đợi chồng thành đạt | Thể hiện qua các từ ngữ, câu văn, hình ảnh cho thấy tình cảm, đánh giá chủ quan:  - Về bối cảnh xã hội và ảnh hưởng của nó đến gia đình bà Tú: “thời buổi Tây Tàu nhộn nhạo”, “không còn đâu cảnh thơ mộng”, “không còn được ở yên trong một mái nhà - dầu vất vả mà êm đềm thanh thản” 🡪 Thể hiện thái độ không đồng tình đối với những nhộn nhạo, đảo lộn giá trị của bối cảnh xã hội đương thời  - Về hình tượng bà Tú: “bà Tú đã bị cái thời buổi ấy ném ra ngoài cuộc đời phiền tạp”, “bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt”, “bươn chải đã thành số phận của bà” 🡪 Thể hiện tình cảm xót thương, trân trọng đối với bà Tú | |

***2.3.2. Tìm hiểu luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản***

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

***b. Sản phẩm:*** Phần trả lời PHT của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*Nhóm 4 - 6 HS hoàn thành PHT số 6  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận, hoàn thành PHT.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về kết quả PHT số 6. Sau đó GV kết luận, nhận định về **kĩ năng phân tích luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB**:  - Xác định luận đề dựa vào nhan đề VB, nội dung bao quát của VB.  - Xác định các luận điểm dựa vào câu chủ đề, bố cục VB và ý chính của từng phần trong bố cục.  - Xác định lí lẽ và bằng chứng dựa và các luận điểm. Bằng chứng là phần trích hoặc dẫn ra từ VB. Lí lẽ là những phân tích, lập luận, lí giải bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.  - Vẽ sơ đồ để nhận ra mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. Phân tích, đánh giá lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu và tác dụng của chúng trong việc làm sáng tỏ luận đề. |  |
| **PHT số 6**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TÌM HIỂU LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG**  **TRONG VĂN BẢN**  **Câu 2:** Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB dựa vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **LUẬN ĐỀ:**  **…………………………………………………………………………** | | | | **Luận điểm** | **Bằng chứng** | **Lí lẽ** | | **Luận điểm 1:** Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo | **-** Bằng chứng cho thấy đặc điểm gia đình Nho giáo: ......................  ………………….…………........  - Bằng chứng cho thấy ảnh hưởng của bối cảnh xã hội đến gia đình :  ………………………………………...........................................  - Bằng chứng cho thấy số phận của bà Tú:..................................  ……………………………………................................................. | Lí giải, đánh giá, nhận xét về cuộc đời bà Tú trong bối cảnh thời đại:  ……………………………………………………………………….........................  ……………………………………….............................  ………….……………………………………….…………………………………… | | **Luận điểm 2:**  Hình tượng bà Tú trong hai câu đề (Căn cứ xác định: *Chỉ với hai câu đề, hình ảnh bà Tú đã hiện lên như chân dung một cuộc đời, một duyên phận*) | ……………………………………….……………………………………….……………………………………….……………………………………….…………………………………………………….……………………………………….……………………………………….……………………………………….…………………………………………………….……………………………………….……………………… | ……………………………………….……………………………………….……………………………………….……………………………………….…………………………………………………….……………………………………….……………………………………….……………………………………….…………………………………………………….……………………… | | **Luận điểm 3:** ................  …………… | ……………………………………….……………………………………….……………………… | ……………….……………………………………….……………………………… | | **Luận điểm 4:** .................  …………......................... | ……………….……………………………………….…………………………………………………….…………………………… | ………….……………………………………….……………………………………….………………………… |   **Câu 3:** Lí lẽ, bằng chứng nào trong VB để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Hãy chia sẻ ấn tượng ấy với các bạn.  - Lí lẽ, bằng chứng trong VB để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất:  - Lí giải: |   **Gợi ý PHT số 6**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **LUẬN ĐỀ:** Hình tượng bà Tú trong bài thơ *Thương vợ.* | | | | **Luận điểm** | **Bằng chứng** | **Lí lẽ** | | **Luận điểm 1:** Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo | **-** Bằng chứng cho thấy đặc điểm gia đình Nho giáo: *không coi trọng sản nghiệp, chỉ chú trọng danh vị, những gia đình như thế thì người chồng miệt mài đèn sách, còn người vợ thì nuôi sống gia đình với hi vọng một ngày kia chồng đỗ đạt làm quan cả họ được nhờ, đổi thay phận vị,…*  - Bằng chứng cho thấy ảnh hưởng của bối cảnh xã hội đến gia đình: *nền tảng kiểu gia đình ấy đến hồi lung lay khi bước vào thời buổi Tây Tàu nhộn nhạo này…*  - Bằng chứng cho thấy số phận của bà Tú:*khi mà đô thị hoá đã làm ra cái cảnh “phố nửa làng” ở đất Vị Xuyên này, thì bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt* | Lí giải, đánh giá, nhận xét về cuộc đời bà Tú trong bối cảnh thời đại: *Đó là cuộc bươn chải không có kết thúc, bươn chải đã thành số phận của bà* | | **Luận điểm 2:**  Hình tượng bà Tú trong hai câu đề (Căn cứ xác định: *Chỉ với hai câu đề, hình ảnh bà Tú đã hiện lên như bức chân dung của một cuộc đời, một duyên phận*) | - Phần trích dẫn hai câu đề bài thơ  - Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu đề: “quanh năm”, “mom sông”, “nuôi đủ năm con với một chồng”, “chồng” | - Nhận xét về ý nghĩa của hình ảnh thời gian “quanh năm”, không gian “mom sông”  - Phân tích bằng chứng để cho thấy gia cảnh “nuôi đủ năm con với một chồng” của bà Tú, thái độ tự mỉa mai của ông Tú  - Đánh giá chung về hai câu đề “thật xứng đáng là cặp câu hay nhất bài thơ” | | **Luận điểm 3:**  Hình tượng bà Tú trong hai câu thực (Căn cứ xác định: *Hai câu thực là bà Tú trong không gian xã hội, giữa cảnh chợ đời, là con người công việc: đảm đang tháo vát, thương khó tảo tần*). | **-** Phần trích dẫn hai câu thực của bài thơ  - Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu thực: “lặn lội thân cò”, “quãng vắng”, “eo sèo”  - Các bằng chứng dẫn ra từ ca dao để so sánh: “Cái cò lặn lội bờ sông”, “Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non”. | - So sánh hình ảnh bà Tú với “cái cò” trong ca dao xưa để cho thấy sự nhẫn nại, cam chịu của bà Tú  - Phân tích hoàn cảnh lao động (“quãng vắng”, “eo sèo”) để làm bật lên những vất vả, bươn chải bà Tú phải chịu. | | **Luận điểm 4:** Hình tượng bà Tú trong hai câu luận (Căn cứ xác định: *hai câu luận lại chính là bà Tú trong quan hệ với gia đình… thảo hiền nhu thuận*). | **-** Phần trích dẫn hai câu luận của bài thơ  - Các bằng chứng dẫn ra từ hai câu luận: “âu đành phận”, “dám quản công”. | - Phân tích bằng chứng để cho thấy thái độ chín chắn, độ lượng của bà Tú trước duyên phận và gia cảnh  - Từ cặp câu luận, khái quát hình tượng bà Tú với ý nghĩa *con người bổn phận*, giàu đức hi sinh cao cả. |   ***.*** | |

**2.4. Khái quát đặc điểm thể loại**

***a. Mục tiêu:*** Củng cố lại các đặc điểm thể loại văn nghị luận đã học qua việc đọc VB *Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”;* biết cách đọc VB *Ý nghĩa văn chương* ở nhà.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, phần ghi chép của HS về nhiệm vụ được giao.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ: Thiết kế inforgraphic tóm tắt kiến thức về cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan trong văn nghị luận.  \* Thực hiện nhiệm vụ và Báo cáo kết quả học tập:HS thảo luận, trình bày ý tưởng thiết kế sản phẩm trước lớp. Sau đó các nhóm về nhà hoàn thiện sản phẩm thiết kế và đăng lên trang học tập của lớp (có thể sử dụng ứng dụng Padlet hoặc Google classroom  \* Kết luận, nhận định: GV kết luận, nhận định đặc điểm VB nghị luận HS đã học: phân biệt cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan trong văn nghị luận. |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Đi chợ cùng bà Tú”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Đi chợ cùng bà Tú”, trả lời đúng sẽ giúp bà Tú bán được một món đồ (rau, củ, quả,...)  Câu 1: Cần làm gì để tạo nên sức thuyết phục của văn bản nghị luận trong cách trình bày vấn đề?  A. Cần trình bày một cách khách quan.  B. Cần trình bày một cách chủ quan.  C. Trình bày một cách mạch lạc, sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên ngành.  **D. Cần kết hợp cả cách trình bày khách quan và cách trình bày chủ quan.**  Câu 2: Cách trình bày vấn đề khách quan là gì?  A. Bày tỏ được góc nhìn, cách đánh giá của người viết về vấn đề.  B. Đan xem cảm xúc, tình cảm .  **C. Chỉ đưa thông tin, nêu các bằng chứng khách quan.**  D. Nhằm mục đích khơi gợi sự đồng cảm của người đọc.  Câu 3: Cách trình bày vấn đề chủ quan là gì?  A. Tạo ra cơ sở vững chắc từ pháp lí, từ thực tiễn…  **B. Đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết.**  C. Đảm bảo tính chính xác, đứng đắn cho các lập luận.  D. Sử dụng nhiều bằng chứng xác thực, khách quan để củng cố cho lập luận.  Câu 4: Trong văn bản, hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nào?  **A. Kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng của Nho giáo.**  B. Kiểu gia đình chịu ảnh hưởng của Đạo giáo.  C. Kiểu gia đình truyền thống của đồng bằng Bắc bộ Việt Nam.  D. Kiểu gia đình hiện đại, ảnh hưởng của văn hóa phương Tây.  Câu 5: Số phận bà Tú đã thay đổi như thế nào khi đô thị hóa diễn ra?  A. Phải rời khỏi ngôi làng đó để tha hương cầu thực.  **B. Bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt.**  C. Được đổi đời, công việc buôn bán thuận lợi nên gia đình khấm khá hơn.  D. Từ bỏ ý định muốn chồng thành đạt, chỉ tập trung vào kiếm sống.  Câu 6: Tác giả đã phân tích ý nghĩa của hai chữ quanh năm là gì?  A. Chỉ thời gian làm việc của bà Tú trong một năm.  B. Sự lặp lại của công việc bà Tú làm hàng ngày.  **C. Không chỉ là độ dài thời lượng mà gợi ra cái vòng vô kì hạn của thời gian.**  D. Sự chăm chỉ, chịu khó của bà Tú.  Câu 7: Tác giả cho rằng điều gì là gánh nhọc nhằn đè trên vai bà Tú?  A. Gánh nặng về trách nhiệm của một người mẹ, phải lo chu toàn cho các con.  B. Gánh nặng về trách nhiệm của một người con dâu, phải chăm lo việc nhà chồng.  **C. Đầu này là năm đứa con, đầu kia là một ông chồng.**  D. Gánh nặng về việc phải giúp chồng có được vinh hoa phú quý.  Câu 8: Đâu là cách trình bày vấn đề chủ quan trong những câu văn dưới đây?  A. Khi mà đô thị hóa đã làm ra cái cảnh phố nửa làng ở đất Vị Xuyên này, thì bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt.  **B. Nó thật xứng đáng là cặp câu hay nhất của bài thơ.**  C. Không còn được ở yên trong một mái nhà – dầu vất vả mà êm đềm thanh thản, bà Tú đã bị cái thời buổi ấy ném ra ngoài cuộc đời phiền tạp.  D. Và đó là một cái gánh éo leo Nuôi đủ năm con với một chồng.  Câu 9: Đâu là cách trình bày vấn đề khách quan trong những câu văn dưới đây?  **A. Hình tượng bà Tú cũng trở thành hình tượng người vợ.**  B. Mới chỉ hai câu đề thôi mà thi đề Thương vợ ngỡ đã đủ đầy.  C. Chẳng biết tài hoa tạo nên chữ nghĩa hay là tình tương đã tự tìm ra tiếng nói riêng của nó, mà chữ nào ở đây cũng sắc nét, cũng đượm tình.  D. Nó thật xứng đáng là cặp câu hay nhất của bài thơ.  Câu 10: Đâu là một trong số những luận điểm chính của văn bản?  A. Cái gánh nặng nhọc nhằn đè trên vai bà Tú là thế: đầu này là năm đứa con, đầu kia là một ông chồng.  **B. Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng của Nho giáo.**  C. Không than thân trách phận, không phiền lòng phẫn chí, lặng lẽ an phận, ráng sức lo toan.  D. Con người bổn phận lấy việc sống trọn bổn phận làm đạo sống của mình.  Câu 11: Đâu là cách trình bày vấn đề khách quan trong những câu văn dưới đây?  A. Chường mặt ra với đời thì thế, về gia thất đối xử với người thân thì sao?  **B. Con người bổn phận lấy việc sống trọn bổn phận làm đạo sống của mình.**  C. Bà Tú đang nổi lên hay chìm đi trong cái nhộn nhạo chợ đời?  D. Bà hiện ra trong vòng công việc hay công việc đã cột chặt lấy bà trong cái vòng triền miên và mòn mỏi của nó?  Câu 12: Những cụm từ như “bà Tú đã bị cái thời buổi ấy ném ra ngoài cuộc đời phiền tạp”, “bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt” thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của người viết?  A. Thể hiện sự ngợi ca đức hi sinh của bà Tú.  B. Thể hiện sự đồng cảm khi người viết nhìn thấy mình trong đó.  C. Thể hiện sự chán nản, buồn bã trước sự bạc bẽo của cuộc đời.  **D. Thể hiện tình cảm xót thương, trân trọng đối với bà Tú.**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS thảo luận về câu 4 và 5 trong SGK.  - Tác giả bài viết cho rằng hai câu đề bài thơ Thương vợ là “cặp câu hay nhất bài thơ”. Em có đồng tình với ý kiến này không? Vì sao?  - Theo em “suốt đời hi sinh cho chồng cho con” có phải là bổn phận của người phụ nữ? Hãy tìm những ví dụ trong thực tế cuộc sống để làm sáng tỏ ý kiến của mình.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS tìm câu trả lời, sau đó thảo luận với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện hai nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Gv kết luận về câu trả lời của Hs sau đóGV kết luận, nhận định **về cách đọc VB**: cùng một vấn đề trong VB văn học nhưng có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau, điều đó làm cho nội dung VB thêm phong phú, hấp dẫn; mỗi người đọc khi tìm đọc VB văn học sẽ có những trải nghiệm riêng, gắn với tư tưởng, tình cảm của họ,… | **Câu 4:** Một vấn đề trong tác phẩm văn học có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau, miễn là có sự lí giải hợp lí với từng cách tiếp cận. Trong VB, tác giả cho rằng hai câu đề bài thơ *Thương vợ* là “cặp câu hay nhất bài thơ”, xét trên phương diện đặc sắc nghệ thuật và sự khái quát về nội dung (đặt trong cấu trúc VB). Tác giả nói như thế là căn cứ trên ấn tượng, cảm nhận chủ quan của tác giả. Trường hợp các em không đồng tình với ý kiến của tác giả bài viết, thì cũng không phủ nhận cách đọc của tác giả.  **Câu 5:** Một số thông điệp về bình đẳng giới mà người đọc có thể rút ra từ VB:  - Đức hi sinh là một phẩm chất tốt đẹp và đáng trân trọng, hiểu được điều đó, ta cần biết ơn, ghi nhận sự hi sinh của những người phụ nữ quanh ta.  - Tuy vậy, đức hi sinh không nên là bổn phận (có tính bắt buộc), và không nên là sự bắt buộc riêng đối với phụ nữ. Bởi vì bản chất giá trị của sự hi sinh là sự tự nguyện, nếu nó là bắt buộc thì nó sẽ biến thành gánh nặng và mang đến khổ đau, bất hạnh.  - GV gợi một số vấn đề về bình đẳng giới để HS tiếp tục suy nghĩ, chẳng hạn:  + Chăm sóc gia đình, làm nội trợ có phải là công việc của riêng phụ nữ?  + Ra ngoài xã hội để xây dựng sự nghiệp có phải là công việc của riêng đàn ông?  + Có nên phân chia công việc theo giới tính?  + Có nên phân biệt đối xử với một ai đó vì giới tính của họ,… |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 4**



**PHT số 5**

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác định cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong đoạn văn sau**  Nói đến người vợ là nói đến không gian gia đình, nói đến quan hệ với người chồng. Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng của Nho giáo. Không coi trọng sản nghiệp, chỉ chú trọng danh vị, những gia đình như thế người chồng thì miệt mài đèn sách, còn người vợ thì nuôi sống gia đình với hi vọng một ngày kia chồng đỗ đạt làm quan cả họ được nhờ, đổi thay phận vị. Nhưng nền tảng của kiểu gia đình ấy đã đến hồi lung lay khi bước vào thời buổi Tây Tàu nhộn nhạo này. Không còn đâu cảnh thơ mộng “Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ” nữa. Không còn được ở yên trong một mái nhà – dầu vất vả mà êm đềm thanh thản, bà Tú đã bị cái thời buổi ấy ném ra ngoài cuộc đời phiền tạp". Khi mà đô thị hoá đã làm ra cái cảnh “phố nửa làng” ở đất Vị Xuyên\*này, thì bà Tú cũng bị dạt theo cuộc sống bươn chải nhất thời để đợi chồng thành đạt. Mà đó là cuộc bươn chải không có kết thúc. Bươn chải đã thành số phận của bà. | |
| **Cách trình bày vấn đề khách quan** | **Cách trình bày vấn đề chủ quan** |
|  |  |

**Tiết 16, 17**

**VĂN BẢN 2: Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG**

**(Hoài Thanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

**2. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, tivi, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

- Các mẫu PHT để HS thực hiện; trang web học tập của lớp và các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền của HS về ý nghĩa của văn chương (chủ đề của VB sẽ đọc).

***b. Sản phẩm:*** Phần chuẩn bị ở nhà của HS, phần trình bày sản phẩm đã chuẩn bị trước lớp.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Khi thưởng thức một tác phẩm văn chương, bản thân em thu nhận được điều gì? Hãy lấy một ví dụ cụ thể.  - Cách 2: Gv tổ chức trò chơi tác phẩm bí ẩn. Có 4 tác phẩm ẩn sau các số 1,2,3,4. Em hãy chọn một số bất kì để tìm được tác phẩm và chia sẻ bài học, thông điệp mà tác phẩm đó mang lại cho em.  \* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ học tập  \* Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện trước lớp. Các HS khác bổ sung.  \* Kết luận, nhận định: GV tổng kết các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài. | ***Gợi ý:***  ***Cách 1***  ***-*** Khi thưởng thức một tác phẩm văn chương, bản thân em thu được các kiến thức văn chương mang lại, kinh nghiệm về đời sống, tình cảm, các bài học cuộc sống  - Ví dụ:  + Khi đọc bài thơ Viếng lăng Bác, em cảm thấy biết ơn, tự hào khi đất nước có một vĩ lãnh tụ kiệt xuất như Bác Hồ.  + Khi học truyện đồng thoại Dế Mèn phiêu lưu kí, em rút ra bài học là phải biết khiêm tốn và giúp đỡ mọi người, nhất là những người yếu thế.  +...  **Cách 2:** HS rút thông điệp, bài học như trong gợi ý, hoặc rút ra thông điệp, bài học khác phù hợp đều chấp nhận được  ***C:\Users\DELL\Downloads\Modern Steps Project Management Process Infographic Graph (9).png*** |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời các câu hỏi *Trong khi đọc*.

***b. Sản phẩm:*** Những ghi chú, câu hỏi khi đọc VB, phần trả lời câu hỏi *Suy luận* và *Theo dõi* trong khi đọc.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Hs đọc diễn cảm VB và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi suy luận, theo dõi trong SGK.  1. Tưởng tượng: Hãy hình dung cảnh được gợi tả trong khổ thơ thứ hai.  2. Suy luận: Em hiểu thế nào về nội dung của khổ thơ cuối?  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1**  \* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện lần lượt hai nhiệm vụ học tập  \* Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  \* Kết luận, nhận định: GV tóm tắt, bổ sung ý kiến cho HS dựa trên định hướng sau: | **1. Đọc**  - HS đọc phù hợp với tốc độ đọc  - Câu hỏi trong hộp chỉ dẫn  Gợi ý:  **Câu 1** (Suy luận): Tác giả kể câu chuyện ở đầu VB để minh hoạ, dẫn dắt vào ý tưởng thơ ca bắt nguồn từ tình cảm, cảm xúc của con người.  **Câu 2** (Theo dõi): Một số từ ngữ, câu văn thể hiện đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn:   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ** | **Câu văn** | | “Phạm vi hẹp hòi của bản thân”, “sự sống muôn hình vạn trạng”, “lòng yêu thương vô cùng của nhà văn”, “một người yêu Thuý Kiều nồng nàn hơn Kim Trọng”,… | “Vũ trụ này tầm thường, chật hẹp, không đủ thoả mãn mối tình cảm dồi dào của nhà văn?”,… |   **Câu 3** (Suy luận): Văn nhân, thi sĩ làm phong phú thêm cuộc sống con người bằng cách dùng tình cảm và sự sáng tạo của bản thân để làm phong phú thêm ý nghĩa khi miêu tả thế giới.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Hoài Thanh (1909 – 1982): nhà văn, nhà phê bình văn học  - Ông là tác giả có nhiều đóng góp nổi bật trong lĩnh vực phê bình văn học ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX  - Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: Thi nhân Việt Nam (viết chung với Hoài Chân), Quyền sống của con người trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, Nói chuyện thơ kháng chiến,...  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Được viết năm 1936, in trong “Bình luận văn chương”  - Thể loại: Văn bản nghị luận |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.1. Tìm hiểu luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**

***a. Mục tiêu:***

***-*** Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

***b. Sản phẩm:*** Phần thực hiện PHT của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Nhóm năm HS đọc VB và điền vào **PHT số 2**  (2) Nhóm hai HS thảo luận về câu 3 trong SGK.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, thảo luận chung trong lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của các nhóm, sau đó kết luận: | **Câu 1:** Luận đề của VB: *Ý nghĩa văn chương*  Bố cục và luận điểm của VB:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục văn bản** | **Luận điểm** | | Phần 1: Từ đầu đến “lòng vị tha” | Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, lòng thương muôn vật, muôn loài | | Phần 2: Phần còn lại | Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến nghìn lần | |
| ***.***   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **TÌM HIỂU LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG**  **TRONG VĂN BẢN 2**  **Câu 1:** Luận đề của VB là gì? Xác định bố cục và luận điểm của VB dựa vào gợi ý sau:  *Gợi ý : Xác định luận đề dựa vào nhan đề VB, nội dung bao quát của VB. Xác định bố cục và nội dung chính của từng phần, từ đó suy ra luận điểm*.  Luận đề của VB:  Bố cục và luận điểm:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục của văn bản** | **Luận điểm** | | Phần 1: Từ đầu đến “lòng vị tha” | Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, lòng thương muôn vật, muôn loài | | Phần 2: … | …. |   **Câu 2:** Vẽ sơ đồ dựa vào gợi ý sau:  Luận điểm 2  ………………………………………..  Lí lẽ + bằng chứng  ………………………………………..  LUẬN ĐỀ:  ………………………………………..  Luận điểm 1  ………………………………………..  Luận điểm 1.1  ……………………………………..  Luận điểm 1.2  ………………………………………..  Lí lẽ + bằng chứng  ………………………………………..  Lí lẽ + bằng chứng  ……………………………………….. |   **Gợi ý PHT số 2 (câu 2)**  **Câu 2:** Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | | **Bằng chứng** | **Lí lẽ** | | **Luận điểm 1**: Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, lòng thương muôn vật, muôn loài. | **Luận điểm 1.1**: Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. | Những cảnh thiên nhiên tươi đẹp mà bình thường do mưu sinh con người bỏ lỡ. | Văn chương có nhiệm vụ “vén tấm màn đen ấy, tìm cái hay, cái đẹp, cái lạ” để “làm cho người ta cùng nghe, cùng thấy, cùng cảm” qua tác phẩm. | | **Luận điểm 1.2**: Văn chương còn sáng tạo ra sự sống. | Quá trình sáng tác của nhà văn: sáng tạo ra thế giới khác, những người, sự vật khác. | Để “thoả mãn mối tình cảm dồi dào” của nhà văn. | | Trường hợp Nguyễn Du và nhân vật Thuý Kiều. | Sự sáng tạo của nhà văn gắn với tình yêu thương tha thiết, để “trao sự sống” cho nhân vật. | | **Luận điểm 2:**  Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp. | | Những ví dụ để chứng minh rằng phần nhiều những tình cảm, những cảm giác của người thời bây giờ đều do một ít người xưa có thiên tài sáng tạo ra và truyền lại. | - Cả phong cảnh đã thay hình đổi dạng từ khi có những nhà văn đưa cảm giác riêng của họ làm thành cảm giác chung của mọi người  - Thế giới như ngày nay là một sự sáng tạo của nghệ sĩ  - Nếu thiếu nghệ sĩ trong lịch sử và tâm linh nhân loại, “cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào” |   ***Câu 3:*** HS trả lời dựa vào sơ đồ đã thực hiện kết hợp với cảm nhận, đánh giá chủ quan của bản thân, từ đó HS nhận ra, phân tích lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong VB. | |

***2.2. Tìm hiểu cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan trong văn bản***

***a. Mục tiêu:*** Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 4 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*Cá nhân HS trả lời câu 4: Nhận xét về cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan trong đoạn: “Làm trọn nhiệm vụ ấy…thiếu nữ trong truyện” theo **PHT số 3**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc đoạn văn, xem lại Tri thức Ngữ văn, tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS, bổ sung theo định hướng sau: |  |
| **PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Cách trình bày vấn đề khách quan** | **Cách trình bày vấn đề chủ quan** | | … | … | | **Nhận xét về việc kết hợp hai cách trình bày:**  … | |   **Gợi ý PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Cách trình bày vấn đề khách quan** | **Cách trình bày vấn đề chủ quan** | | Thể hiện qua các thông tin, bằng chứng khách quan cho thấy các đặc trưng của văn chương và quá trình sáng tạo của nhà văn: “văn chương sẽ là hình dung của cuộc sống muôn hình vạn trạng”, “văn chương còn sáng tạo ra sự sống”, “nhà văn sẽ tạo ra những thế giới khác, những người, những vật khác”, “Sự sáng tạo này cũng có thể xem là xuất ở mối tình yêu thương tha thiết”,… | Thể hiện qua các từ ngữ, câu văn, hình ảnh cho thấy tình cảm trân trọng, ngợi ca của tác giả với ý nghĩa văn chương và quá trình sáng tạo của nhà văn: “thoát mình ra ngoài phạm vi hẹp hòi của bản thân để sống cái đời của mọi người, mọi vật”, “vụ trụ này tầm thường, chật hẹp, không đủ thoả mãn mối tình cảm dồi dào của nhà văn”, “mối tình yêu thương tha thiết”, “lòng yêu thương vô cùng của nhà văn”, “chính Nguyễn Du đã trao sự sống của mình cho thiếu nữ trong truyện”,… | | **Nhận xét:** Trong đoạn văn, hai cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan được kết hợp với nhau một cách khéo léo, trong khi trình bày thông tin khách quan, tác giả cũng đồng thời thể hiện tình cảm, cách đánh giá của mình.  Cách kết hợp này làm tăng sức thuyết phục của VB, vừa đảm bảo tính khách quan, chính xác, chân thực của các bằng chứng (thông qua cách trình bày vấn đề khách quan), vừa tác động vào tình cảm, khơi gợi sự đồng cảm của người đọc đối với tình cảm, đánh giá của người viết trong VB (thông qua cách trình bày vấn đề chủ quan). | |   ***.*** | |

***2.3. Liên hệ, mở rộng***

***a. Mục tiêu:*** Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

***b. Sản phẩm:*** Phần trả lời câu 5 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hoài Thanh cho rằng: “Trên quả đất này từ khi có loài người bao giờ vẫn núi non ấy, cây cỏ ấy, thế mà một người đời xưa với một người đời nay nào có trông thấy như nhau”. Em hãy tìm một ví dụ trong văn học cho thấy những cách nhìn khác nhau về cảnh thiên nhiên.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ  *\*Báo cáo, thảo luận:*Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm sưu tầm.  *\* Kết luận, nhận định:* | Gợi ý:  Cùng là mùa thu nhưng mỗi thi nhân lại có cách cảm nhận khác nhau:  - Nguyễn Khuyến với cảnh thu thân thuộc, bình dị của làng quê đồng bằng Bắc Bộ  *“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*  *Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo”*   (Thu điếu)  - Trong *“Đây mùa thu tới”,* Xuân Diệu lại mang đến bức tranh thu sinh động, ấn tượng đồng thời tác giả bày tỏ cảm xúc u sầu, trầm tư khi mùa thu đến.  *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,*  *Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng;*  *Đây mùa thu tới – mùa thu tới*  *Với áo mơ phai dệt lá vàng.*  *-*  Lưu Trọng Lư lại có bài “Tiếng thu” với sự dịu dàng, nồng nàn, thổn thức, không khí mơ màng sâu lắng.  *Em không nghe rừng thu*  *Lá thu kêu xào xạc*  *Con nai vàng ngơ ngác*  *Đạp trên lá vàng khô”* |

***2.4. Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc***

***a. Mục tiêu:*** Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc với VB nghị luận.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt kiến thức.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*Cá nhân HS hoàn thành **PHT số 4**  *\* Thực hiện nhiệm vụ và Báo cáo, thảo luận:*  ***-*** Tại lớp, HS phác thảo ý tưởng về sản phẩm và chia sẻ với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - Về nhà, HS hoàn thiện sản phẩm và công bố, chia sẻ trên trang web học tập của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về đặc điểm VB nghị luận và cách đọc. |  |
| ***PHT số 4***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố của văn bản  nghị luận** | **Khái niệm/ Đặc điểm** | **Cách đọc** | | Luận đề |  |  | | Luận điểm |  |  | | Lí lẽ |  |  | | Bằng chứng |  |  | | Cách trình bày vấn đề khách quan |  |  | | Cách trình bày vấn đề chủ quan |  |  |   **Gợi ý PHT số 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố của văn bản  nghị luận** | **Khái niệm/ Đặc điểm** | **Cách đọc** | | Luận đề | Là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận. | Xác định luận đề dựa vào nhan đề VB, nội dung bao quát của VB. | | Luận điểm | Là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề. | Xác định các luận điểm dựa vào câu chủ đề, bố cục VB và ý chính của từng phần trong bố cục. | | Lí lẽ | Cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết | Xác định lí lẽ dựa vào các luận điểm. Lí lẽ là những phân tích, lập luận, lí giải bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.  - Phân tích, đánh giá lí lẽ và tác dụng của chúng trong việc làm sáng tỏ luận đề. | | Bằng chứng | Những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu từ thực tế. | - Xác định bằng chứng dựa vào các luận điểm. Bằng chứng là phần trích hoặc dẫn ra từ VB.  - Phân tích, đánh giá bằng chứng tiêu biểu và tác dụng của chúng trong việc làm sáng tỏ luận đề. | | Cách trình bày vấn đề khách quan | Là những bằng chứng khách quan | Dựa vào sự thật hiển nhiên, số liệu, dữ kiện, các thông tin có thể kiểm chứng đúng, sai thông qua nghiên cứu khoa học,… | | Cách trình bày vấn đề chủ quan | Là ý kiến, tình cảm, đánh giá chủ quan của người viết | Dựa vào các từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, đánh giá chủ quan của người viết; các thông tin mà người viết không chắc chắn (có lẽ, hình như, chắc hẳn,…), dự đoán tương lai,… |   ***.*** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Ngôi nhà văn chương”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Ngôi nhà văn chương”, trả lời đúng sẽ nhận được một cuốn sách  Câu 1: Tác giả mở đầu bài viết như thế nào?  **A. Kể câu chuyện đời xưa về một nhà thi sĩ Ấn Độ.**  B. Trích dẫn câu nói nổi tiếng của một nhà thi sĩ Ấn Độ.  C. Trích dẫn một bài thơ của một nhà thi sĩ Ấn Độ.  D. Kể một câu chuyện đời xưa về một nhà hiền triết Ấn Độ.  Câu 2: Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì?  A. Tài năng sử sụng ngôn từ của nhà văn.  **B. Lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.**  C. Sự thương hại đối với muôn vật, muôn loài.  D. Vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo vật.  Câu 3: Theo tác giả, nhà văn cần làm gì khi sáng tác văn chương?  A. Phải biết khẳng định cái tôi, góc nhìn cá nhân đối với ngoại cảnh.  B. Phải biết hòa quyện và cảm nhận cuộc đời.  C. Phải biết dấn thân vào khó khăn, gian khổ.  **D. Phải biết quên mình trong ngoại cảnh.**  Câu 4: Nhiệm vụ của văn chương là gì?  A. Mưu cầu sự sống, bỏ qua bao nhiêu cảnh đẹp, bao nhiêu hiện tượng li kì.  B. Mượn câu văn, tiếng hát làm cho người ta cùng nghe, cùng thấy, cùng cảm.  **C. Vén tấm màn đen của cảnh trời và lòng người để tìm ra những cái hay, cái đẹp, cái lạ trong đó rồi mượn câu văn, tiếng hát làm cho người ta cùng nghe, cùng thấy, cùng cảm.**  D. Truy tìm cái hay, cái đẹp trong nội tâm con người.  Câu 5: Sự sáng tạo ra sự sống của văn chương xuất phát từ đâu?  A. Từ tình yêu nghệ thuật.  B. Từ tình cảm gia đình.  **C. Từ mối tình yêu thương tha thiết.**  D. Từ tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống.  Câu 6: Luận đề của văn bản là gì?  **A. Ý nghĩa văn chương.**  B. Tiếng khóc ấy, dịp đau thương ấy chính là nguồn gốc của thi ca.  C. Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng.  D. Văn chương gây cho ta những tình cảm không có.  Câu 7: Đâu là một luận điểm trong văn bản Ý nghĩa văn chương?  A. Nếu trong pho lịch sử loài người xoá các thi nhân, văn nhân và đồng thời trong tâm linh loài người xoá hết những dấu vết họ còn lưu lại thì cái cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào!  B. Vậy thì văn chương cứ làm trọn nhiệm vụ tự nhiên của nó cũng đã có ích rồi.  **C. Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, lòng thương muôn vật, muôn loài.**  D. Vũ trụ này tầm thường, chật hẹp, không đủ thỏa mãn mối tình cảm dồi dào của nhà văn.  Câu 8: Đâu là câu văn thể hiện đánh giá chủ quan của người viết?  A. Có kẻ nói từ khi thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa cỏ mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm để ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay.  **B. Trái lại, chúng tôi tin rằng cái đẹp tự nhiên đã có ích rồi.**  C. Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến nghìn lần.  D. Và vì thế, công dụng của văn chương cũng là giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha.  Câu 9: Đâu là câu văn thể hiện đánh giá khách quan của người viết?  A. Nếu trong pho lịch sử loài người xoá các thi nhân, văn nhân và đồng thời trong tâm linh loài người xoá hết những dấu vết họ còn lưu lại thì cái cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào!  B. Vì cái đẹp văn chương theo chúng tôi là những tình cảm, những cảm giác mới lạ có sức trau dồi, tô điểm cho đời người và trao cho cuộc đời một ý nghĩa sâu, rộng.  C. Vũ trụ này tầm thường, chật hẹp, không đủ thỏa mãn mối tình cảm dồi dào của nhà văn?  **D. Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến nghìn lần.**  Câu 10: Đâu là nhận xét đúng về cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan trong văn bản?  A. Đối lập nhau, tạo nên sự phong phú trong cách diễn đạt.  **B. Được kết hợp với nhau một cách khéo léo, vừa trình bày thông tin khách quan, vừa thể hiện tình cảm, cách đánh giá.**  C. Tác giả chủ yếu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bản thân.  D. Tác giả chủ yếu trình bày thông tin khách quan cùng những nhận định đánh giá của các nhà nghiên cứu khác về bài thơ Vợ nhặt.  Câu 11: Cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan trong văn bản có tác dụng gì?  A. Giúp văn bản phong phú hơn trong diễn đạt.  B. Thu hút người đọc.  **C. Vừa đảm bảo tính khách quan, vừa khơi gợi được sự đồng cảm của người đọc.**  D. Thể hiện được đánh giá chủ quan của người viết về vấn đề được bàn luận.  Câu 12: Lí lẽ nào đi cùng với bằng chứng: “Nếu có một người yêu Thuý Kiều còn nồng nàn hơn Kim Trọng, người ấy là Nguyễn Du và chính Nguyễn Du đã trao sự sống của mình cho thiếu nữ trong truyện”?  **A. Sự sáng tạo của nhà văn gắn với tình yêu thương tha thiết, để “trao sự sống” cho nhân vật.**  B. Thế giới này là một sự sáng tạo của nghệ sĩ.  C. Nếu thiếu nghệ sĩ trong lịch sử và tâm linh nhân loại, “cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào”.  D. Văn chương có nhiệm vụ "vén tấm màn đen ấy, tìm cái hay, cái đẹp, cái lạ" để “làm cho người ta cùng nghe, cùng thấy, cùng cảm" qua tác phẩm.  Câu 13: Bàn về vai trò khơi dậy lòng thương của văn chương, Hoài Thanh có lí giải là: “gây cho ta những tình cảm ta không có, gợi cho ta những tình cảm ta sẵn có”. Có thể hiểu ý kiến này như thế nào?  A. Các tác phẩm văn học giúp chúng ta hình thành những tình cảm tốt đẹp.  B. Các tác phẩm văn học giúp chúng ta hoàn thiện kĩ năng giao tiếp ứng xử.  **C. Các tác phẩm văn học giúp ta xây dựng những tình cảm mà ta không có, đồng thời khơi dậy, làm sâu sắc thêm những tình cảm ta đã có**  D. Các tác phẩm văn học sẽ giúp chúng ta hình thành nhân cách một cách hoàn thiện và tốt đẹp hơn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại;

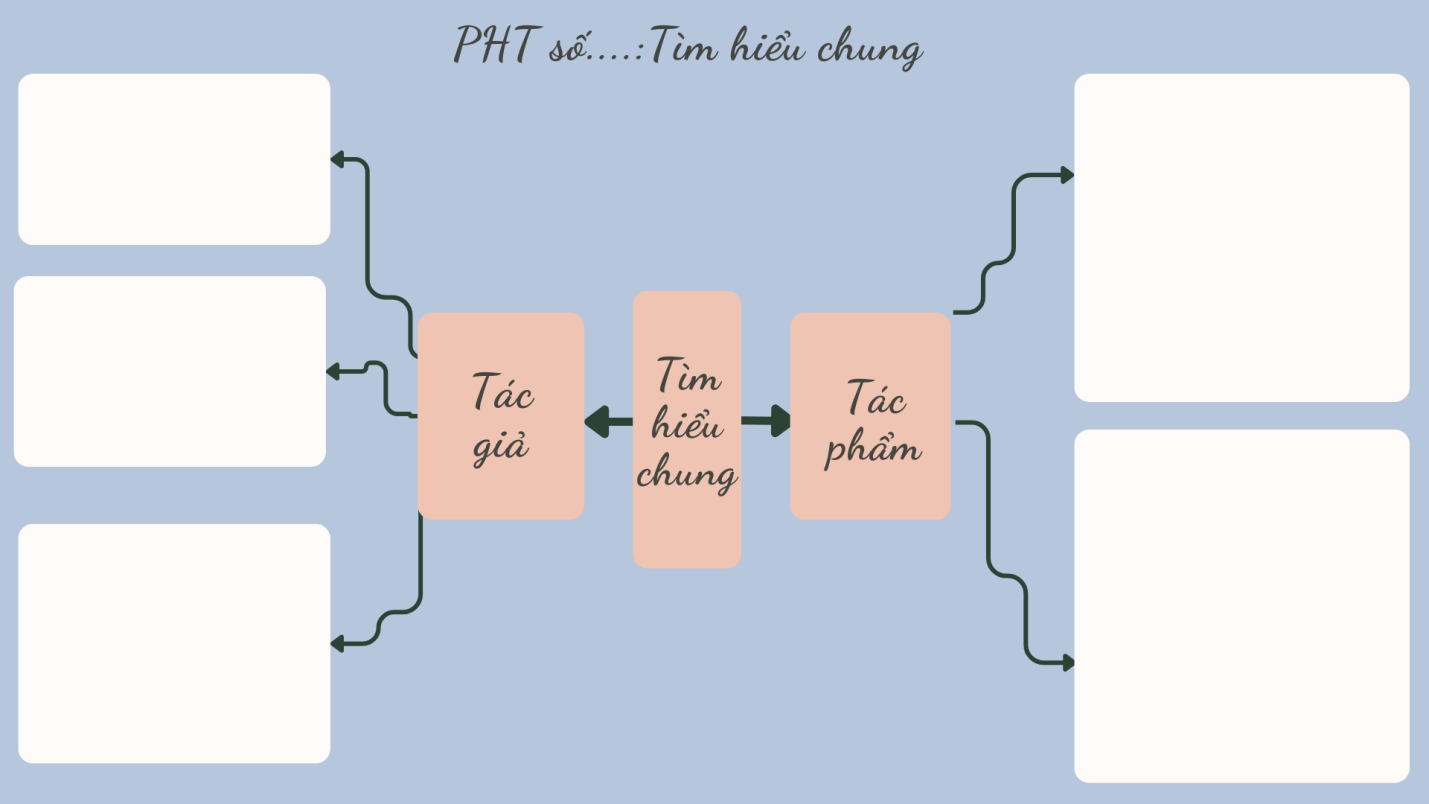
***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS (câu 6 trong SGK)

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* *Trong bối cảnh đương đại với nhiều vấn đề toàn cầu như dịch bệnh, sự bùng nổ của mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, văn chương có cần thiết với chúng ta không? Vì sao em cho là như vậy? Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) thể hiện suy nghĩ của em về vấn đề trên.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán câu trả lời lên bảng học tập của lớp, một vài HS chia sẻ ấn tượng của mình; HS gửi bài vào nhóm lớp.  *\* Kết luận, nhận định*  *-* GV chọn đọc ngẫu nhiên một số đoạn văn của Hs  - Gv nhận xét về sản phẩm của Hs | Những thành tựu của khoa học, công nghệ đã và đang làm cho thế giới văn minh hơn, giúp con người sản xuất ra nhiều của cải vật chất hơn và mang lại cho con người nhiều tiện ích hơn trong cuộc sống. Nhưng, "chính những tác phẩm văn học nghệ thuật làm cho con người sống một đời sống có nhân phẩm, nhân văn và tâm hồn phong phú". Nhờ văn chương đi sâu vào các đề tài nóng của xã hội chúng ta mới thấy được sự mất mát, nỗi đau của những người ở lại. Nhờ văn chương chúng ta mới có thể không cảm thấy cô đơn, liều thuốc an ủi  khi dịch bệnh đến. Văn chương cũng dạy ta làm người, trau dồi những tình cảm tốt đẹp. Không một lĩnh vực nào có thể thay thế được văn chương trong việc giúp con người hiểu cuộc sống và hiểu chính mình, sống có tình thương, có đạo lý, có văn hóa, vượt qua cái tầm thường, phàm tục, giả dối, để thăng hoa, để ước mơ, vươn đến chân, thiện, mỹ. |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**



**Tiết 18**

**Đọc kết nối chủ điểm: THƠ CA**

**(**Ra-xun Gam-za-tốp)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”* và *Ý nghĩa văn chương* để hiểu hơn về chủ điểm *Giá trị của văn chương*.

**2. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu ngữ liệu, tranh ảnh.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS*.*

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Theo em, có những loại hình nghệ thuật nào giúp cho đời sống tinh thần của con người thư giãn, an vui, tĩnh lặng hơn,...  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS trao đổi với nhau.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* Nghệ thuật chính là bài thuốc giúp chúng ta cân bằng cuộc sống. Có người chọn cho mình một bản nhạc, có người chọn một bức tranh và cũng không ít người chọn thơ ca làm điểm tựa tinh thần. Nhà thơ Ra-xun Gam-za-tốp đã cho chúng ta thấy giá trị của thơ ca qua bài thơ mang tên “Thơ ca” | Gợi ý:  - Hội họa  - Điêu khắc  - Âm nhạc  - Thơ ca  -... |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc văn bản

***b. Sản phẩm:*** Bài đọc

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs đọc VB  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 2 Hs đọc, các Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Nhận xét về kĩ năng đọc | HS đọc phù hợp với tốc độ đọc |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”* và *Ý nghĩa văn chương* để hiểu hơn về chủ điểm *Giá trị của văn chương*.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:*  Câu 1: Tác giả đã sử dụng những hình ảnh so sánh nào để nói về thơ ca? Em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao?  Câu 2: Em hiểu như thế nào về tâm nguyện của nhà thơ: “Tôi nguyện suốt đời trung thực sống cho thơ”?  Câu 3: [Từ bài thơ Thơ ca, em có suy nghĩ gì về vai trò của thơ ca nói riêng, văn chương nói chung với tâm hồn mỗi người?](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/suy-nghi-gi-ve-vai-tro-cua-tho-ca-noi-rieng-van-chuong-noi.jsp)  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **Câu 1:**  -Các hình ảnh so sánh được sử dụng để nói về thơ ca: “nghỉ ngơi”, “việc đầy lao lực”, “chốn dừng chân”, “cuộc hành trình”, “bài hát ru”, “mơ ước mùa xuân”, “khát vọng chiến công”, “bà mẹ”, “người yêu”, “con gái”, “trái núi cao không thể tới”, “cánh chim sà đậu xuống lòng tay”, “đôi cánh nâng tôi bay”, vũ khí trong trận đánh”.  - HS chọn ra hình ảnh mình ấn tượng nhất và lí giải. Gợi ý: Ấn tượng nhất hình ảnh thơ *“Khi tôi nhỏ, thơ giống như bà mẹ/ Tôi lớn lên, thơ lại giống người yêu”.* Vì thơ ca theo chúng ta đến suốt cuộc đời, thơ ca là vĩnh cữu. Thơ luôn ân cần, chu đáo, dịu dàng, đong đầy tình cảm như người mẹ, khi lại nồng nàn, đong đầy tình yêu lứa đôi.  **Câu 2:** HS lí giải dựa trên cách hiểu của bản thân. Gợi ý: “trung thực sống cho thơ” có thể hiểu là coi thơ ca là mục tiêu quan trọng của cuộc đời, chân thật giãi bày cảm xúc vào thơ, thông qua thơ để thể hiện niềm trung thực của bản thân với cuộc đời.  **Câu 3:** HS trả lời dựa trên góc nhìn, quan điểm cá nhân. GV có thể hướng dẫn HS liên hệ với các VB đã đọc trong chủ điểm để có ý tưởng trả lời. Gợi ý: Vai trò của thơ ca nói riêng, văn chương nói chung:  - Thơ ca, văn chương trước hết giúp con người giãi bày xúc cảm của mình, để chia sẻ, để tìm sự đồng vọng của những tấm lòng đồng cảm.  - Thơ ca, văn chương không chỉ khiến tâm hồn, trí tuệ con người giàu có, phong phú mà còn vỗ về, động viên, khích lệ người ta đứng dậy, đi tới...  - Thơ ca, văn chương giúp ta thanh lọc chính tâm hồn mình. Ta sẽ thấy mình cao thượng hơn, khao khát được sống đẹp, sống có ích hơn...  - Không có thơ ca, văn chương, cuộc sống sẽ nghèo nàn, tâm hồn, tình cảm con người sẽ trở nên cằn cỗi vô cùng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi ***“Xứ giả thơ ca”***

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập: Gv tổ chức trò chơi* ***“Xứ giả thơ ca”***  Câu 1: Đâu là thông tin chính xác về tác giả Ra-xun Gam-da-tốp?  A. Sinh năm 1920, mất năm 2003.  B. Là nhà thơ nổi tiếng của nước Cộng hòa Đa-ghe-xtan thuộc Liên Bang Nga.  C. Sở trường sáng tác chủ yếu là truyện ngắn và tiểu thuyết.  **D. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông là: Hoàng tử bé, Trái tim tôi thuộc về những ngọn núi…**  Câu 2: Tác phẩm Thơ ca được viết bằng thể thơ nào?  A. Tám chữ.  **B. Tự do.**  C. Năm chữ.  D. Bảy chữ.  Câu 3: Tác giả không sử dụng hình ảnh so sánh nào dưới đây để nói về thơ ca?  A. Việc đầy lao lực.  B. Cuộc hành trình.  C. Bài hát ru.  **D. Khúc ca tình yêu.**  Câu 4: Nhà thơ Ra-xun Gam-za-tốp đã so sánh thơ ca với âm thanh gì dưới đây?  **A. Như bài hát ru, ngây ngất đầu giường thơ bé**.  B. Như khúc hát mừng chiến công vang dội.  C. Như khúc hát đón chào mùa xuân cùng những khát vọng mới.  D. Như khúc ca tình yêu nồng nàn, cháy bỏng.  Câu 5: Theo Ra-xun Gam-za-tốp, thơ sinh ra thì điều gì sẽ đến?  A. Thành công.  B. Cái đẹp.  **C. Tình yêu.**  D. Tình bạn.  Câu 6: Theo Ra-xun Gam-za-tốp, khi từ giã cõi đời thì thơ là gì?  **A. Kỉ niệm.**  B. Con cái.  C. Người yêu.  D. Bà mẹ.  Câu 7: Ra-xun Gam-za-tốp có tâm nguyện gì?  A. Suốt đời sáng tác không ngừng nghỉ.  **B. Suốt đời trung thực sống cho thơ.**  C. Suốt đời yêu thơ.  D. Suốt đời chỉ đọc thơ.  Câu 8: Có thể hiểu tâm nguyện “trung thực sống cho thơ” của Ra-xun Gam-za-tốp là gì?  **A. Ra-xun Gam-da-tốp coi thơ là mục tiêu quan trọng của cuộc đời, chân thật giãi bày cảm xúc vào thơ, thông quan thơ để thể hiện niềm trung thực của bản thân với cuộc đời.**  B. Ra-xun Gam-da-tốp muốn phản ánh thực tế trần trụi của hiện thực cuộc sống vào thơ.  C. Ra-xun Gam-da-tốp muốn kể chuyện về cuộc đời ông bằng thơ ca.  D. Ra-xun Gam-da-tốp muốn tái hiện góc nhìn của ông về thế giới xung quanh vào những câu thơ.  Câu 9: Nguồn gốc sâu xa của thơ ca là từ đâu?  A. Từ tình yêu văn chương nghệ thuật của nhà thơ.  **B. Từ vẻ đẹp cuộc sống.**  C. Từ tâm hồn sâu thẳm của nhà thơ.  D. Từ những sự vật hiện tượng kì thú của tự nhiên.  Câu 10: Thơ ca và cuộc sống có mối quan hệ như thế nào?  **A. Thơ ca khơi nguồn từ cuộc sống nên thơ bao giờ cũng chứa đựng bóng hình cuộc đời, bóng dáng con người.**  B. Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi có sự xuất hiện của thơ ca.  C. Thơ ca tô điểm cho cuộc sống này thêm tốt đẹp, là nguồn gốc của mọi hạnh phúc.  D. Cuộc sống là đối tượng phản ánh duy nhất của thơ ca.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức: | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại

***b. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS.

***c. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:**Em hãy viết đoạn văn trình bày cảm nhận về một khổ thơ mà em ấn tượng trong bài thơ “Thơ ca”*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:* GV trình chiếu hoặc mời một vài HS đọc đoạn văn.  *\* Kết luận, nhận định:*Sau đó, HS và GV nhận xét mức độ đáp ứng về nội dung và hình thức của đoạn văn mà HS đã viết. | Hs thực hành viết đoạn văn |

**Tiết 19, 20**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH THAM KHẢO, TRÍCH DẪN TÀI LIỆU   
ĐỂ TRÁNH ĐẠO VĂN**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Trình bày được một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

**2. Phẩm chất**

- Trung thực và có trách nhiệm, hiểu và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- Phần *Tri thức Ngữ văn* và *Thực hành tiếng Việt* trong SGK, SGV, Từ điển tiếng Việt (GV chuẩn bị một cuốn, HS chuẩn bị theo nhóm).

- PHT số 1 để HS khái quát nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***Kích hoạt được kiến thức nền về vấn đề đạo văn và cách thức tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

***b. Sản phẩm:*** Phần điền phiếu K-W-L của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *- Cách 1:* Nhóm 2 HSđiền thông tin vào cột K-W trong bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K**  **(Điều tôi đã biết)** | **W**  **(Điều tôi muốn tìm hiểu)** | **L**  **(Điều tôi học được)** | | *Ghi lại ít nhất một điều em đã biết về vấn đề đạo văn*  … | *Ghi lại ít nhất một điều em muốn tìm hiểu trong bài học này*  … | *Sau khi học xong, em hãy ghi lại ngắn gọn những kiến thức trọng tâm bản thân thu nhận được*  … |   - Cách 2: Khi viết văn, em có trích dẫn ý kiến của người khác không? Em đã trích như thế nào?  - Cách 3: Theo em, có những hành vi xâm phạm bản quyền nào? Chia sẻ quan điểm của bản thân em về những hành vi ấy.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS suy nghĩ, điền vào cột K và cột W, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện các nhóm nêu câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết ý kiến của các nhóm, dẫn dắt vào bài học. | - Cách 1:Hs điền thông tin  - Cách 2: Hs chia sẻ  - Cách 3:  + Những hành vi xâm phạm bản quyền  . Hát, biểu diễn ca khúc mà chưa xin phép  . Đạo nhạc  . Sao chép mẫu mã, thương hiệu của người khác  . Đạo văn  ...  + Hs chia sẻ quan điểm cá nhân |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi chú, câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS đọc phần *Tri thức Ngữ văn* mục *Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn* và trả lời các câu hỏi sau:  - Đạo văn là gì?  - Để tránh đạo văn, chúng ta cần làm gì?  - Trình bày các nội dung thường có của phần trích dẫn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và ghi ra câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV chốt một số vấn đề về đạo văn, cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn (dựa vào Tri thức Ngữ văn trong SGK). | - Đạo văn là hành vi sao chép lời nói, ý tưởng, quan điểm, … của người khác và coi đó như là của riêng mình. Đây là hành vi vi phạm đạo đức trong học tập, nghiên cứu.  - Để tránh lỗi đạo văn, chúng ta cần trích dẫn chính xác và đúng quy định khi sử dụng lời nói, ý tưởng, quan điểm,… của người khác.  Ví dụ: Đặng Thùy Trâm từng viết: “Đời người phải gặp giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”.  (Theo Trần Thị Cẩm Quyên, *Đừng từ bỏ cố gắng*)  Trong ví dụ trên, khi sử dụng ý tưởng của Đặng Thùy Trâm, người viết đã trích dẫn bằng cách đặt nguyên văn câu chữ của Đặng Thùy Trâm trong dấu ngoặc kép.  - Phần trích dẫn có thể bao gồm các nội dung sau: ý trích dẫn (lời nói, ý tưởng, quan điểm, …), tác giả, tên tác phẩm/ công trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Thực hành, vận dụng kiến thức về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để làm bài tập.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời của các bài tập.

***c. Tổ chức thực hiện: Nguyễn Nhâm 779***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* các nhóm nhỏ (từ 4 - đến 6 HS), thực hiện các bài tập 1, 2, 3 trong phần *Thực hành tiếng Việt*.  **Bài tập 1:** Xác định phần trích dẫn trong các trường hợp sau. Chỉ ra sự khác biệt giữa những phần trích dẫn đó.  a. Tôi được biết những chiến công chống giặc, cứu nước của người anh hùng Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân qua lời kể của cô giáo dạy Lịch sử. Câu nói nổi tiếng của ông khi bị giặc bắt và hành quyết: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” khiến tôi rất háo hức chờ đợi chuyến đi này.  (Nhóm biên soạn, Thăm đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang, Ngữ văn 7, tập một, bộ sách Chân trời sáng tạo)  b. Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Theo báo cáo số liệu của năm 2005 của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Việt Nam là nước phá rừng nguyên sinh đứng thứ hai thế giới.  (Theo Hồ Quang Trung, Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên, ngày 6/6/2010, Ngữ văn 9, tập 1, bộ sách Chân trời sáng tạo)  c. Năm 2000, khi sang thăm Việt Nam, trong buổi nói chuyện với sinh viên ở Hà Nội, tổng thống Mỹ Biu Clin-ton (Bill Clinton) đã đọc thơ Hồ Xuân Hương dịch sang tiếng Anh. Ông Hen-ri Lốp-Pơ (Henri Lopes), Phó Tổng Giám đốc UNESCO, trong bài tựa tập thơ Hồ Xuân Hương xuất bản ở Pa-ri (Paris) năm 1997, cũng đánh giá cao tài năng của nhà thơ bằng những lời nồng nhiệt: “Là nữ thi hay nữ nhạc sĩ, tôi không biết nữa, có điều nàng đã vĩnh viễn đổi thay vẻ đẹp những tiếng kêu thương của tâm hồn thoát ra trong bí mật những đêm tối hoặc những nơi cô tịch”.  (Theo Lưu Khánh Thơ, Kì nữ Hồ Xuân Hương- Đời và thơ, <https://ct.qdnd.vn/>, ngày 24/12/2021)  **Bài tập 2:** Ở văn bản Đọc kết nối chủ điểm, nhóm biên soạn đã dẫn nguồn bài thơ Thơ ca (Ra-xun Gam-da-tốp) như thế nào? Chỉ ra những yếu tố trong phần dẫn nguồn đó.  **Bài tập 3:** Theo em, trong quá trình viết, khi sử dụng tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ… lấy từ Internet, chúng ta có cần dẫn nguồn không? Vì sao?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận, thực hiện các bài tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kết quả thảo luận nhóm trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  - GV nhận xét, kết luận đáp án của các bài tập | **Bài tập 1:**  a. Trong trường hợp a, khi sử dụng câu nói của Nguyễn Trung Trực, người viết đã trích dẫn bằng cách đặt nguyên văn câu chữ của ông trong dấu ngoặc kép.  b. Trong trường hợp b, người viết khi trích dẫn ý “Việt Nam là nước phá rừng nguyên sinh đứng thứ hai thế giới” đã viết rõ nguồn: thông tin về tác giả (*Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc*), năm xuất bản (*2005*). Phần trích dẫn này không được đặt trong dấu ngoặc kép.  c. Trong trường hợp c, khi sử dụng lời đánh giá của ông Hen-ri Lốp-pơ (Henri Lopes), Phó Tổng Giám đốc UNESCO, người viết đã trích dẫn bằng cách đặt nguyên văn câu chữ của ông Hen-ri Lốp-pơ trong dấu ngoặc kép, đồng thời dẫn thêm một số thông tin về tên tác phẩm (bài *Tập thơ Hồ Xuân Hương*), năm xuất bản (*1987*), nơi xuất bản (*Pa-ri)*.  🡪 Sự khác biệt giữa các phần tích dẫn: Ở trường hợp a và c, người viết trích dẫn nguyên văn câu nói/ lời đánh giá của người khác và đặt trong dấu ngoặc kép (trích dẫn trực tiếp). Ở trường hợp b, người viết không đặt phần trích dẫn trong dấu ngoặc kép mà viết lại ý tưởng của người khác theo cách diễn đạt của mình (trích dẫn gián tiếp).  **Bài tập 2**: Ở phần Đọc kết nối chủ điểm, tên tác giả được đặt ngay bên dưới bài thơ. Cuối bài thơ, nhóm biên soạn có dẫn nguồn: “(In trong *Đa-ghe-xtan của tôi*, Phan Hồng Giang dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016). Phần dẫn nguồn này có các thông tin: Tên tác phẩm (*Đa-ghe-xtan của tôi*), dịch giả (Phan Hồng Giang), nhà xuất bản (NXB Kim Đồng), nơi xuất bản (Hà Nội), năm xuất bản (2016).  **Bài tập 3:** Trong quá trình viết, khi sử dụng tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ,… lấy từ Internet, chúng ta cần dẫn nguồn vì đây là hành động thể hiện sự tôn trọng ý tưởng của người khác và là việc làm cần thiết để tránh đạo văn. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chơi chữ hoặc điệp thanh, điệp vần vào viết đoạn hoặc làm một bài thơ.

***b. Sản phẩm*:** Một đoạn văn hoặc một bài thơ có sử dụng chơi chữ hoặc điệp thanh, điệp vần.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Bài tập 4:Trình bày kinh nghiệm của em về việc sử dụng lời nói, ý tưởng, quan niệm… của người khác khi viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - *:* Cá nhân HS xem lại phần tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn, Thực hành tiếng Việt*, tóm tắt những kiến thức trọng tâm, ghi vào cột L trong phiếu K-W- L.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Hs suy nghĩ câu hỏi  *\* Báo cáo, thảo luận:* 3-4 Hs trả lời câu hỏi, Hs khác nhận xét; HS trình bày phần ghi cột L trước lớp. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét ý kiến của HS, kết luận những kiến thức trọng tâm của bài học. | **Bài tập 4**: Khi viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, việc sử dụng lời nói, ý tưởng, quan niệm của người khác sẽ giúp cho bài viết của chúng ta thêm sâu sắc và giàu sức thuyết phục. Để có thể sử dụng lời nói, ý tưởng, quan niệm … của người khác, ta cần:  - Tìm những ý kiến, quan niệm của những người nổi tiếng/ có vị trí cao trong một lĩnh vực nhất định ở những nguồn uy tín như sách, báo chính thống, …  - Khi sử dụng ta cần căn cứ vào mục đích của bài viết để lựa chọn cách trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp sao cho phù hợp.  \* Hs hoàn thiện phiếu KWL |

**Tiết 21: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**TÍNH ĐA NGHĨA TRONG BÀI THƠ BÁNH TRÔI NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

- Vận dụng kĩ năng đọc văn nghị luận đã học vào đọc một VB nghị luận mới.

**2. Phẩm chất**

Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, ti vi dùng chiếu ngữ liệu, tranh ảnh.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS*.*

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy đọc bài thơ Bánh trôi nước và nêu ấn tượng của em về bài thơ này  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS trao đổi với nhau.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* | Hs đọc và chia sẻ ấn tượng |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc văn bản

***b. Sản phẩm:*** Bài đọc

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs đọc VB  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 2 Hs đọc, các Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Nhận xét về kĩ năng đọc | HS đọc phù hợp với tốc độ đọc |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

- Vận dụng kĩ năng đọc văn nghị luận đã học vào đọc một VB nghị luận mới.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:*  Câu 1: Cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan được thể hiện như thế nào trong đoạn văn: “Nghĩa thứ nhất,… của biết bao người”?.  Câu 2: Xác định mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản theo **PHT số 1**  Câu 3: Phân tích tác dụng của một số lí lẽ, bằng chứng em cho là tiêu biểu.  Câu 4: Em có đồng tình với ý kiến của tác giả về bài thơ Bánh trôi nước: “Lời một chiếc bánh nói hộ biết bao con người” hay không? Vì sao? Từ đó, em hiểu thêm điều gì về thân phận và phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội phong kiến?  Câu 5: Từ những cách hiểu về bài thơ Bánh trôi nước được nêu trong văn bản, em có suy nghĩ gì về cách tiếp nhận một bài thơ?  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **Câu 1:**  - Cách trình bày vấn đề khách quan thể hiện ở thông tin về bánh trôi nước - tầng nghĩa tả thực của bài thơ (bánh trôi mang màu trắng của bột nếp, nếu người làm bánh nhào nhiều bột nhiều nước quá thì bánh “nát”, ít nước quá thì “rắn”,…); các từ ngữ trích từ bài thơ “Thân em…”, “Mà em…”.  - Cách trình bày vấn đề chủ quan thể hiện ở những từ ngữ, hình ảnh, câu văn cho thấy tình cảm ngợi ca, thán phục với tài năng thơ của Hồ Xuân Hương, tình cảm trân trọng với hình ảnh bánh trôi nước trong bài thơ (“Hồ Xuân Hương quả là một người biết miêu tả sự vật”, “hình ảnh chiếc bánh trôi hiện ra thật đáng yêu”, …).  **Câu 2:**  - Luận đề: Tính đa nghĩa trong bài thơ *Bánh trôi nước.*  - Luận điểm 1: Nghĩa thứ nhất là nghĩa tả thực.  + Lí lẽ: Quá trình hình thành của chiếc bánh trôi  + Bằng chứng:  *.* Tác giả đưa ra cách làm bánh trôi qua việc miêu tả quá trình ấy, qua đó thấy được Hồ Xuân Hương là một người am hiểu về miêu tả sự vật.  - Luận điểm 2: Nghĩa thứ hai của bài thơ nói về nhan sắc, thân phận và phẩm chất người phụ nữ.  + Lí lẽ:  . Hai câu đầu nói về nhan sắc và thân phận người phụ nữ;  . Hai câu sau nhấn mạnh thân phận và đề cao phẩm hạnh người phụ nữ.  + Bằng chứng:  . Thân em vừa trắng lại vừa tròn,  Bảy nổi ba chìm với nước non.  . Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn  Mà em vẫn giữ tấm lòng son.  . Thành ngữ “Ba chìm bảy nổi chín lênh đênh”  **Câu 3:** HS trả lời dựa trên sơ đồ đã lập ở câu 2. Gợi ý:  - Ở luận điểm thứ 2: **Nhan sắc, thân phận và phẩm chất của người phụ nữ**, người viết đã sử dụng 2 lí lẽ rất rõ ràng để chứng minh cho luận điểm thứ 2, đó là:  + Hai câu đầu nói về nhan sắc và thân phận người phụ nữ;  + Hai câu sau nhấn mạnh thân phận và đề cao phẩm hạnh người phụ nữ.  - Ở mỗi lí lẽ, người viết đều chỉ ra các bằng chứng lần lượt là:*“Thân em vừa trắng lại vừa tròn/ Bảy nổi ba chìm với nước non”; “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn/ Mà em vẫn giữ tấm lòng son”* và phân tích rất xác đáng, kết hợp với việc liên hệ những hình ảnh thơ, ngôn ngữ thơ với kho tàng văn học dân gian của dân tộc, giúp cho bài viết thêm sâu sắc và giàu sức thuyết phục.  **Câu 4:**  - Giải thích ý kiến của tác giả: thông qua hình ảnh bánh trôi nước (hàm ý nói về thân phận, phẩm chất người phụ nữ), Hồ Xuân Hương đã khái quát lên nỗi lòng, thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - HS thể hiện ý kiến đồng tình/ phản đối và đưa ra lí lẽ, bằng chứng để lập luận tuỳ theo quan điểm, góc nhìn của cá nhân. Gợi ý: Em đồng tình với ý kiến của tác giả về bài thơ Bánh trôi nước: “Lời một chiếc bánh nói hộ biết bao con người” vì qua hình ảnh chiếc bánh trôi nhỏ xinh, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam với thân phận nhỏ bé, đáng thương hiện lên như cất lên tiếng ai oán, xót xa cho những số kiếp lênh đênh, lận đận trong xã hội xưa cũ. Những người phụ nữ trong xã hội xưa ấy dù là những người tài hoa, nhan sắc khuynh thành, phẩm hạnh tốt đẹp thì họ vẫn không được làm chủ cho cuộc đời mình, vẫn bị lễ giáo phong kiến trói chặt với đủ mọi lễ nghi giáo điều và vẫn bị vùi dập mà chẳng hề nhận được sự tiếc thương.  **Câu 5:**  -Khi tiếp nhận một bài thơ, ta có thể có nhiều góc nhìn, nhiều cách hiểu khác nhau về ý nghĩa bài thơ.  - Các cách hiểu khác nhau ấy làm cho nội dung bài thơ thêm phong phú, và khám phá được thêm nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.  - Tuy nhiên, những cách hiểu khác nhau về bài thơ phải xuất phát từ VB và phải được lí giải hợp lí, tránh tình trạng suy diễn tuỳ tiện các nội dung, ý nghĩa của bài thơ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Bánh trôi nước”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập: Gv tổ chức trò chơi* “Bánh trôi nước”  Câu 1: Văn bản *Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước”* viết theo thể loại gì?  Câu 2: Xác định luận đề của văn bản *Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước”*  Câu 3: Văn bản *Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước”* có mấy luận điểm  Câu 4: Luận điểm thứ nhất của văn bản *Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước”* là gì?  Câu 5: Em hãy đọc một bài ca dao bắt đầu bằng từ “Thân em”  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức:  Câu 1: Văn bản nghị luận  Câu 2: Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước”  Câu 3: 2 luận điểm  Câu 4: Nghĩa thứ nhất là nghĩa thực  Câu 5:  Thân em như giếng giữa đàng  Người thanh rửa mặt, người phàm rửa chân. | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại

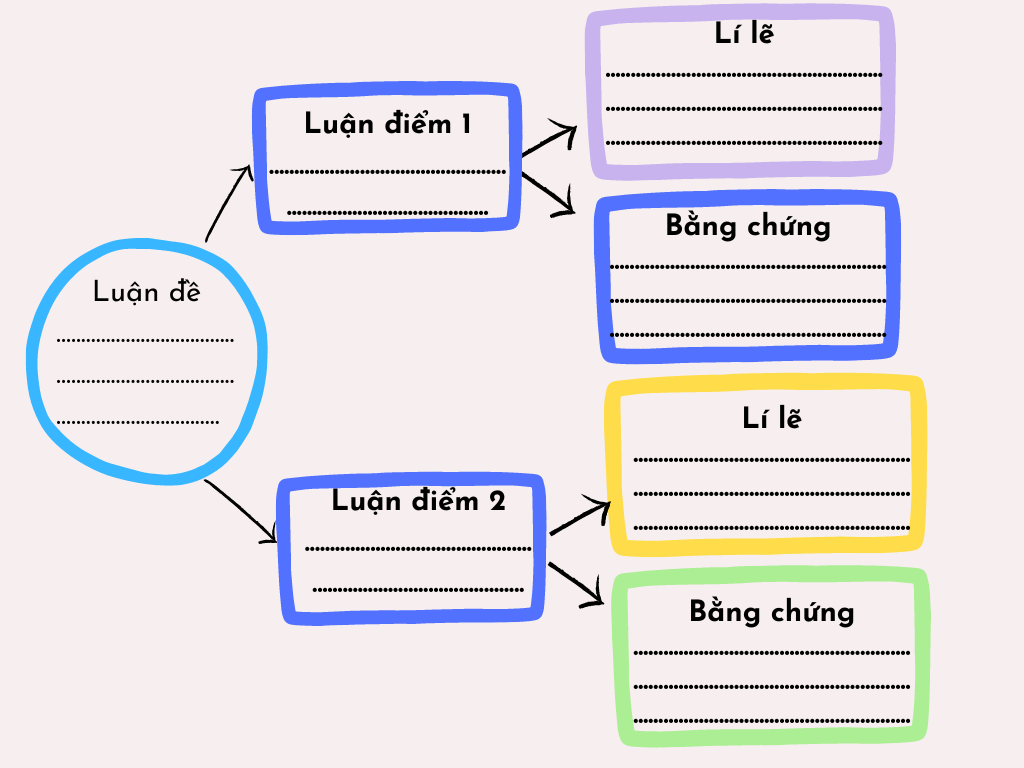
***b. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS.

***c. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của người phụ nữ ở câu thơ cuối cùng. Chỉ ra cách trình bày vấn đề khách quan và ý kiến chủ quan trong đoạn văn  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:* GV trình chiếu hoặc mời một vài HS đọc đoạn văn.  *\* Kết luận, nhận định:*Sau đó, HS và GV nhận xét mức độ đáp ứng về nội dung và hình thức của đoạn văn mà HS đã viết. | Hs thực hành viết đoạn văn |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT Số 1**

******

**Tiết 22, 23**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Thời gian thực hiện: 03 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm.

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc lập dàn ý và chuẩn bị bài viết ở nhà.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

- Hiểu và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn VB của người khác.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ và trung thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- PHT số 1 để hướng dẫn HS tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và xác định nhiệm vụ học tập: Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng Viết, các em hãy cho biết: trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập | Nhiệm vụ học tập: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Kiểu bài này HS đã được học ở lớp 8, lên lớp 9 sẽ tiếp tục rèn luyện kĩ năng viết kiểu bài này, nhấn mạnh phân tích nội dung chủ đề và phân tích một số đặc sắc về nghệ thuật. |

**2. Hoạt động kích hoạt kiến thức nền về bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**

***a. Mục tiêu:*** Nhắc lại tri thức về kiểu bài bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (đã học ở lớp 8).

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS thảo luận theo nhóm đôi để hoàn thành **PHT số 1**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện, sau đó thảo luận với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, kết luận, dẫn dắt vào nội dung bài học: |  |
| **PHT số 1**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Bài tập khởi động**  Đánh dấu X vào ô Đúng, Sai trong bảng dưới đây. Với trường hợp Sai, hãy lí giải.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhận định về đặc điểm bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **Đúng** | **Sai** | **Giải thích nếu sai** | | Bài viết cần nêu luận điểm của người viết về chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm | … | … | … | | Bằng chứng là những trích dẫn từ VB để làm sáng tỏ luận điểm | … | … | … | | Lí lẽ là những phân tích, lí giải bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm | … | … | … | | Cần khai thác tất cả đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm cần phân tích | … | … | … | | Khi phân tích chủ đề, cần gọi tên chủ đề và đưa ra bằng chứng xác định chủ đề | … | … | … | | Bài viết cần trích dẫn càng nhiều bằng chứng càng tốt | … | … | … | | Cần triển khai cùng lúc luận điểm phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm | … | … | … | |   **Gợi ý PHT số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhận định về đặc điểm bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **Đúng** | **Sai** | **Giải thích nếu sai** | | Bài viết cần nêu luận điểm của người viết về chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm | X |  |  | | Bằng chứng là những trích dẫn từ VB để làm sáng tỏ luận điểm | X |  |  | | Lí lẽ là những phân tích, lí giải bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm | X |  |  | | Cần khai thác tất cả đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm cần phân tích |  | X | Không cần khai thác tất cả đặc sắc nghệ thuật, chỉ chú trọng vào những nghệ thuật tiêu biểu, gây ấn tượng cho bản thân | | Khi phân tích chủ đề, cần gọi tên chủ đề và đưa ra bằng chứng xác định chủ đề | X |  |  | | Bài viết cần trích dẫn càng nhiều bằng chứng càng tốt |  | X | Các bằng chứng trích dẫn cần phù hợp, tiêu biểu, làm sáng tỏ luận điểm | | Cần triển khai cùng lúc luận điểm phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm |  | X | Có thể triển khai cùng lúc luận điểm phân tích chủ đề và nghệ thuật; cũng có thể tách luận điểm về chủ đề và nghệ thuật khi phân tích tác phẩm |   ***.*** | |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết khái niệm, yêu cầu, bố cục kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi chú, câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS đọc SGK mục *Tri thức Ngữ văn*, hoàn thành **PHT số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | Bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học thuộc kiểu bài gì? |  | | Bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học có yêu cầu gì về nội dung và hình thức? |  | | Trình bày bố cục của bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học. |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, ghi chú thông tin quan trọng và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS nêu câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV kết luận, nhận định về kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học dựa vào *Tri thức Ngữ văn*. | **\* Khái niệm:**  Phân tích một tác phẩm văn học (nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó) thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  **\* Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**  - Về nội dung: phân tích được nội dung chủ đề, nêu và phân tích được tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung.  - Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  + Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |

**2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu.

***b. Sản phẩm:*** Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích VB mẫu.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS đọc thầm VB *Bài văn phân tích, đánh giá truyện ngắn Bồng chanh đỏ* chú ý đến những phần được đánh số và box thông tin tương ứng. Sau đó, thảo luận nhóm đôi về các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB trong SGK theo **PHT số 3**   |  | | --- | | Câu 1: Em có nhận xét gì về cách sắp xếp luận điểm trong bài viết?  ......................................................................  ......................................................................  Câu 2: Bài viết đã phân tích những phương diện nội dung nào của chủ đề truyện Bồng chanh đỏ? Từ đó, em rút ra kinh nghiệm gì khi phân tích nội dung chủ đề của một tác phẩm văn học?  ......................................................................  ......................................................................  ......................................................................  ......................................................................  Câu 3: Tác giả bài viết đã phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc về nghệ thuật truyện Bồng chanh đỏ như thế nào?  ......................................................................  ......................................................................  ......................................................................  ......................................................................  Câu 4 : Theo em, phần mở bài và kết bài có điểm gì ấn tượng? Trình bày thêm một số cách viết để mở bài và kết bài được lôi cuốn, hấp dẫn.  ......................................................................  ......................................................................  ......................................................................  ...................................................................... |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc VB mẫu, theo dõi các box thông tin hướng dẫn, tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*  **-** GV nhận xét cách HS thảo luận, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  **-** GV nhận xét, kết luận về đáp án các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB | **Câu 1:**  - Bài viết sắp xếp luận điểm theo trình tự:  - Luận điểm 1 về chủ đề tác phẩm  - Luận điểm 2 về một số nét đặc sắc nghệ thuật.  - Cách sắp xếp luận điểm này là hợp lí, làm bật lên được các yếu tố về nội dung và hình thức của tác phẩm, thể hiện rõ ràng ý kiến, quan điểm của người viết về chủ đề, một số nét đặc sắc về hình thức.  **Câu 2:**  - Những phương diện nội dung chủ đề truyện được bài viết triển khai:  + Phương diện thứ nhất: chủ đề thể hiện qua sự việc tìm bắt chim bồng chanh 🡪 Ý nghĩa rút ra: tình yêu thiên nhiên không phải là sự chiếm hữu, mà là tình yêu thiên nhiên trong trạng thái vốn có.  + Phương diện thứ hai: chủ đề được tô đậm hơn qua những biến chuyển trong nhận thức nhân vật Hoài 🡪 Ý nghĩa rút ra: thiên nhiên và con người có sự tương quan; ta cần cẩn trọng khi ứng xử với thiên nhiên vì bất kì hành động vô tâm nào cũng gây ra tổn thương với muôn loài.  - Kinh nghiệm khi phân tích nội dung chủ đề của một tác phẩm văn học: Có thể khai thác sâu hơn nội dung chủ đề của một tác phẩm khi soi chiếu nội dung chủ đề ấy vào các yếu tố của tác phẩm (sự việc, nhân vật, chi tiết, mạch tình cảm, cảm xúc,…), nhờ đó ta có thể khai thác các tầng ý nghĩa đa dạng, sâu sắc gợi ra từ chủ đề. |
| **Câu 3:** Cách tác giả phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ đặc sắc về luận điểm:   |  |  | | --- | --- | | **Đặc sắc  về nghệ thuật** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | Việc xây dựng cốt truyện đơn giản nhưng hấp dẫn | **- Bằng chứng:** lá thư mở đầu câu chuyện có nhắc đến chim bồng chanh đỏ, kể chi tiết quá trình khó khăn bắt chim bồng chanh đỏ  **- Lí lẽ:** lá thư đã mở ra dòng hồi tưởng để nhân vật kể lại kỉ niệm trong quá khứ; việc kể chi tiết quá trình bắt chim bồng chanh đỏ làm cho sự việc trả tự do cho chim trở nên bất ngờ, gợi nhiều suy ngẫm | | Chi tiết miêu tả bồng chanh đỏ | **- Bằng chứng:** *“Nó nằm im thin thít trong lòng bàn tay tôi. Dường như nó quá hoảng sợ vì biết mình đã bị bắt cóc”*, dẫn lại sự việc Hoài viết thư gửi anh Hiền kể về chuyện đôi bồng chanh đã quay về tổ cũ  - **Lí lẽ**: chim bồng chanh như có linh hồn và cảm xúc, chi tiết này khiến tôi thực sự hạnh phúc, khi con người biết yêu quý, tôn trọng thiên nhiên, thì thiên nhiên sẽ không bỏ rơi con người | | Cách xây dựng tâm lí | **- Bằng chứng:** ngôi kể thứ nhất, dẫn lại tâm trạng của nhân vật “tôi”  - **Lí lẽ**: ngôi kể thứ nhất giúp tôi dễ dàng bộc lộ nội tâm của đứa trẻ hồn nhiên; làm rõ được sự biến chuyển trong nhận thức của nhân vật, đồng thời khắc sâu thông điệp về cách ứng xử với tự nhiên trong tâm trí bạn đọc |   Nhận xét về cách đưa lí lẽ và bằng chứng: bằng chứng đáng tin cậy, dẫn ra từ VB, lí lẽ đã lí giải hợp lí, sáng rõ ý nghĩa, giá trị của các bằng chứng trong việc thể hiện luận điểm. Đặc biệt, cách kết hợp lí lẽ và bằng chứng đã giúp làm bật lên nét đặc sắc (hiệu quả thẩm mĩ) của hệ thống các biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung chủ đề VB.  **Câu 4:** Phần mở bài sử dụng một hình ảnh so sánh để dẫn dắt (có những tác phẩm văn học như chiếc cầu nối diệu kì…), kết bài gợi ra một ấn tượng của người đọc về tác phẩm (*mỗi lần đóng lại trang sách cuối, tôi lại tưởng tượng thấy hình ảnh đôi bồng chanh đỏ đang bay về đầm sen thơm ngát…*). Cách mở bài và kết bài giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, tạo ra sự hấp dẫn, lôi cuốn đối với người đọc.  **-** Sự phát triển của kĩ năng viết ở lớp 9 so với lớp 8 như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kĩ năng viết** | **Lớp 8** | **Lớp 9** | | Kĩ năng phân tích chủ đề | Gọi tên chủ đề, chỉ ra một vài căn cứ xác định chủ đề, nêu ngắn gọn ý nghĩa chủ đề | Gọi tên chủ đề, chỉ ra **ít nhất hai** khía cạnh chủ đề thể hiện trong tác phẩm (qua nhân vật, cốt truyện, chi tiết,…), khái quát được giá trị, ý nghĩa của chủ đề | | Kĩ năng phân tích một vài nét đặc sắc nghệ thuật | Dẫn ra và nêu tác dụng của một vài nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm | Cần chỉ ra và **phân tích sâu hơn** vào tác dụng của các yếu tố nghệ thuật để cho thấy sự đặc sắc, cái hay, cái đẹp của các biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung chủ đề | | |

**3. Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt quy trình viết của HS (theo mẫu PHT số 1).

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK, sau đó thảo luận nhóm nhỏ (4 đến 6 HS) và điền thông tin vào **PHT số 5**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK, thảo luận nhóm và hoàn thành bảng.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1, 2 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV đánh giá, nhận xét, kết luận dựa vào phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK. |  |
| ***.***  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  **QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN**  **NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*** | **Xác định mục đích, người đọc**  … | … | | **Xác định đề tài**  … | … | | **Thu thập tư liệu**  … | … | | **Bước 2: *Tìm ý và lập dàn ý*** | **Tìm ý**  … | … | | **Lập dàn ý**  … | … | | **Bước 3: *Viết bài*** | … | … | | **Bước 4: *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** | **Xem lại và chỉnh sửa**  … | … | | **Rút kinh nghiệm**  … | … |   ***.*** | |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

***a. Mục tiêu:***

- Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài.

- Xác định được mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết sẽ thực hiện.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS đọc đề bài trong SGK. Sau đó, yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi:  - Với đề bài này, em sẽ viết bài văn cho ai, nhằm mục đích gì?  - Em sẽ chọn viết về đề tài gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, kết luận. | **Đề bài:** [Câu lạc bộ Văn học trường em phát động cuộc thi viết “Tác phẩm văn học trong tôi”. Em hãy chọn một tác phẩm văn học mình yêu thích (thơ hoặc truyện) để viết bài nghị luận và gửi cho ban tổ chức cuộc thi.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/nghi-luan-mot-tac-pham-van-hoc-minh-yeu-thich-tho.jsp)  - Người đọc: thầy cô, bạn bè; thành viên câu lạc bộ, những người yêu thích thơ văn  - Mục đích viết: tham gia cuộc thi, chia sẻ về tác phẩm văn học mà bản thân yêu thích  - Đề tài: một tác phẩm thơ hoặc văn xuôi,... |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (thực hiện tại nhà)**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Sản phẩm:*** Sơ đồ tìm ý của HS, dàn ý, bài viết.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS về nhà thực hiện tìm ý **(PHT số 6)**, lập dàn ý **(PHT số 7)** và viết bài.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS về nhà thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.  \* *Báo cáo, thảo luận:* Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm được tổ chức trên lớp sau đó.  *\* Kết luận, nhận định:* GV sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiểm trong SGK trong tiết chia sẻ bài viết trên lớp (thực hiện sau khi cho HS xem lại và chỉnh sửa rút kinh nghiệm). | - Tìm ý (PHT số 6)  - Lập dàn ý (PHT số 7)  - Viết bài: Từ dàn ý, em viết bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần chú ý:  + Kết hợp nêu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  + Tách đoạn hợp lí và sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  + Sử dụng một số cách viết để mở bài và kết bài hấp dẫn như: trích những đoạn thơ cùng chủ đề với tác phẩm cần phân tích, trích dẫn danh ngôn, nhận định về tác giả, tác phẩm,…  + Trong một số trường hợp, em có thể trao đổi với các ý kiến trái chiều về tác phẩm để làm cho nội dung bài viết thêm phong phú. |
| ***.***   |  |  | | --- | --- | | **PHT số 6: Phiếu tìm ý** | | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | Chủ đề chính của tác phẩm là gì? |  | | Chủ đề ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm (qua nhân vật, hình ảnh, sự việc, cốt truyện,…) |  | | Chủ đề ấy gợi ra thông điệp, suy nghĩ, tình cảm gì ở người đọc? |  | | Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm thể hiện ở những phương diện nào? |  | | Những nét đặc sắc về nghệ thuật biểu hiện như thế nào trong tác phẩm? (với văn bản thơ: chú ý vần, nhịp, hình ảnh thơ, từ ngữ, biện pháp tu từ,…; với văn bản truyện: chú ý cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể, sự việc, chi tiết nghệ thuật,…). |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHT số 7: Phiếu Lập dàn ý** | | | |  | **Nhiệm vụ** | **Áp dụng vào đề tài của em** | | **Mở bài** | Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả. |  | | Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật). |  | | **Thân bài** | Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm. |  | | Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các một vài khía cạnh nội dung chủ đề. |  | | Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật. |  | | Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm. |  | | **Kết bài** | Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm. |  | | Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |  |   ***.*** | |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn trong lớp.

***b. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm. Sau đó, GV có thể mời một số HS đọc bài viết của mình trên lớp và mời các HS khác nhận xét dựa vào **bảng kiểm** trong SGK.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ nhận xét về bài viết của bạn (dựa vào bảng kiểm SGK).  *\* Kết luận, nhận định:* GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó đưa ra những lưu ý về kĩ năng tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà. | - GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  + Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  + Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong bài viết của bản thân và của các bạn hay không?). Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud) để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1, 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm đã rút ra, các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần nắm. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống để tạo lập VB.

***b. Sản phẩm:*** Bài viết đã được công bố của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập*: Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  - Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn một vấn đề khác trong đời sống để viết bài mới và công bố.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới sau đó công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin trong lớp học,…  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* | HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (Ví dụ nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách phản hồi, hoặc ấn các nút cảm xúc…). |

**IV. PHỤ LỤC**

**BẢNG KIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở bài | Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả. |  |  |
| Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật). |  |  |
| Thân bài | Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm. |  |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các một vài khía cạnh nội dung chủ đề. |  |  |
| Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật. |  |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm. |  |  |
| Kết bài | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và đặt câu. |  |  |
| Cách mở bài lôi cuốn, hấp dẫn. |  |  |
| Cách kết bài đặc sắc, ấn tượng. |  |  |
| Sử dụng hiệu quả các phép liên kết để tạo sự mạch lạc cho bài viết. |  |  |
| Đặt tên cho các phương tiện trực quan và trích dẫn nguồn (nếu có). |  |  |
| Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. |  |  |

**Tiết 24,25**

**NÓI VÀ NGHE**

**NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan.

**2. Phẩm chất**

Trung thực và trách nhiệm với ý kiến của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK*,* SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu*:** Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***b. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt*, quan sát (đọc lướt) phần *Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến* để trả lời câu hỏi: *Ở Phần Nói và nghe, nhiệm vụ học tập ta cần thực hiện là gì?*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK, tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày câu trả lời trước lớp. HS khác nhận xét, đánh giá.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, kết luận | Nhiệm vụ học tập là nghe phần trình bày và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến, chỉ ra lỗi lập luận, lỗi về bằng chứng (nếu có). |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu quy trình nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được quy trình nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS thực hiện tại nhà, đọc SGK và tóm tắt quy trình thực hiện nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến dựa vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình nghe** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý khi thực hiện** | | Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe | … | … | | Bước 2: Nghe và ghi chép | … | … | | Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và chia sẻ | … | … |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập tại nhà, đọc SGK và tóm tắt ý chính vào bảng quy trình.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày sản phẩm trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về quy trình nói và nghe dựa vào SGK. |  |

**2. Hoạt động tìm hiểu một số lỗi về lập luận và bằng chứng khi trình bày một ý kiến**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được một số lỗi về lập luận và bằng chứng thường gặp.

***b. Sản phẩm:*** Phần tóm tắt của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS thực hiện tại nhà, đọc SGK và tóm tắt các lỗi về lập luận và bằng chứng theo bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Lỗi thường gặp khi tình bày ý kiến** | | **Biểu hiện** | **Ví dụ** | | Lỗi lập luận | Lỗi … | … | … | | Lỗi … | … | … | | Lỗi về bằng chứng | Lỗi … | … | … | | Lỗi … | … | … |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập tại nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày sản phẩm trên lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định****:*** GV kết luận, nhận định dựa vào SGK. |  |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

***b. Sản phẩm:*** Bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Một nhóm HS được chọn chuẩn bị bài nói theo đề bài trong SGK.  (2) Các HS còn lại trong lớp đóng vai người nghe, nghe và ghi chép nội dung bài nói, nhận biết tính thuyết phục của ý kiến.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện hai nhiệm vụ theo vai được phân công.  *\* Báo cáo, thảo luận*: Các HS đóng vai người nghe trình bày phần ghi chép và nhận xét về tính thuyết phục của bài nói.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận định, tổng kết dựa trên ý kiến của HS. | Hs thực hành |

**2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Tự đánh giá kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

***b. Sản phẩm:*** Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe, sau đó trình bày những kinh nghiệm ấy trước lớp theo gợi ý:  (1) Ba điều em đã làm tốt khi thực hiện kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến.  (2) Hai điều em cần làm tốt hơn khi thực hiện kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến.  (3) Một kinh nghiệm em rút ra để thực hiện kĩ năng nghe tốt hơn vào lần sau.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kinh nghiệm của bản thân. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, kết luận về những kinh nghiệm HS cần nắm khi nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến. GV đưa ra kết luận về những điều HS cần lưu ý khi thực hiện kĩ năng giao tiếp và hợp tác. | Hs thực hành |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN ÔN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi chú của HS về cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV giao cho HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV sẽ nhận xét về sản phẩm của HS trong tiết ôn tập tại lớp. |  |

**IV. PHỤ LỤC**

**Bảng kiểm kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị trước khi nghe | Xác định mục đích nghe |  |  |
| Tìm hiểu trước chủ đề bài thuyết trình |  |  |
| Nghe và ghi chép | Nhận biết được tính thuyết phục của ý kiến và hạn chế của lập luận (nếu có) |  |  |
| Ghi được (những) câu hỏi cần trao đổi với người trình bày ý kiến |  |  |
| Ghi được ý chính của ý kiến |  |  |

**Tiết 26**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập

**2. Phẩm chất:**

Yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống của tự nhiên và con người.

**II. Kiến thức**

Củng cố kiến thức về Đọc – viết – nói – nghe trong chủ điểm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, tivi, bảng, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS

b. Nội dung: Hs trả lời

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập: Bài thơ sau gợi cho em điều gì?*  *C:\Users\DELL\Downloads\Pink Minimalist Weekly Schedule Planner.jpg*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | HS nghe và trả lời |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học. |  |
| **Câu 1**:  Câu 1: Đọc lại các văn bản đã học và điển vào bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu** | | Về hình tượng bà Tú trong bài thơ “Thương vợ” |  |  |  | | Ý nghĩa văn chương |  |  |  | | Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước” |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu** | | Về hình tượng bà Tú trong bài thơ “Thương vợ” | Hình tượng bà Tú trong bài Thương vợ | - Luận điểm 1: Hình tượng bà Tú thuộc về kiểu gia đình nhà nho theo ảnh hưởng Nho giáo  - Luận điểm 2: Hình tượng bà Tú trong hai câu đề  - Luận điểm 3: Hình tượng bà Tú trong hai câu thực  - Luận điểm 4: Hình tượng bà Tú trong hai câu luận | - Lí lẽ 2: Trải quan bao nổi vất vả, cực nhục => người phụ nữ đảm đang, tháo vát  - Dẫn chứng 2: “Lặn lội thân cò khi quãng vắng/ Eo sèo mặt nước buổi đò đông.” | | Ý nghĩa văn chương | Ý nghĩa văn chương | - Luận điểm 1: Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, thương muôn loài, muôn vật.  - Luận điểm 2: Ý nghĩa của văn chương là khơi gợi cảm xúc của một con người | - Lí lẽ 2: Văn nhân, thi nhân dùng văn chương để khơi gợi cảm xúc của con người  - Dẫn chứng 2: Tình cảm, cảm giác của người thời bây giờ đều do người xưa sáng tạo, lấy cảm hứng từ thế giới khách quan và lưu truyền lại. | | Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước” | Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước” | - Luận điểm 1: Nghĩa thực: Hình ảnh và quá trình sinh thành của bánh trôi nước.  - Luận điểm 2: Nghĩa hàm ẩn: Nhan sắc, thân phận và phẩm chất của người phụ nữ. | - Lí lẽ 2: Hai câu tả đầu tả sắc, thân phận con người  - Dẫn chứng 2: “Thân em vừa trắng…với nước non”  - Lí lẽ 3: Hai câu cuối nhấn mạnh thân phận, đề cao phẩm hạnh người phụ nữ  - Dẫn chứng 3: “Rắn nát mặc dầu…. lòng son”. |   **Câu 2:** Làm thế nào để phân biệt cách trình bày vấn đề khách quan và vấn đề chủ quan?  Trả lời:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cách trình bày vấn đề khách quan** | **Cách trình bày vấn đề chủ quan** | | Đặc điểm thông tin | Bằng chứng khách quan | Ý kiến, tình cảm, đánh giá chủ quan của người viết | | Một số dấu hiệu nhận biết | Sự thật hiển nhiên, số liệu, dữ kiện, các thông tin có thể kiểm chứng đúng, sai thông qua nghiên cứu khoa học,… | Các từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, đánh giá chủ quan của người viết; các thông tin mà người viết không chắc chắn (có lẽ, hình như, chắc hẳn,…), dự đoán tương lai,… |   **Câu 3:** Những cách tiếp nhận khác nhau về cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản có ý nghĩa gì đối với văn bản và người đọc?  Trả lời: Những cách tiếp cận khác nhau về cùng một vấn đề trong VB có ý nghĩa:  - Với VB: Làm phong phú thêm cách hiểu VB, góp phần kiểm chứng hoặc bác bỏ những cách hiểu thiếu căn cứ, suy diễn.  - Với người đọc: Giúp cho người đọc có được sự chủ động, tích cực khi đọc VB văn học, giúp cho việc đọc VB văn học thú vị, hấp dẫn hơn với người đọc.  **Câu 4:** Trình bày những lưu ý về việc tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.  Trả lời:  - Để tránh lỗi đạo văn, chúng ta cần trích dẫn chính xác và đúng quy định khi sử dụng lời nói, ý tưởng, quan điểm… của người khác.  - Phần trích dẫn có thể bao gồm các nội dung sau: ý trích dẫn (lời nói, ý tưởng, quan điểm, …), tác giả, tên tác phẩm/ công trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản.  **Câu 5:** Tìm một ví dụ về việc dẫn nguồn lời nói, ý tưởng, quan điểm,… của người khác trong khi viết và chỉ ra các yếu tố trong phần dẫn nguồn đó.  Gợi ý:   Thạch Lam là một trong số những cây bút viết truyện ngắn tiêu biểu trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Nếu hai người anh trong *Tự lực văn đoàn* lựa chọn đem đến cho người đọc những ấn tượng mạnh mẽ, những câu chuyện kịch tính, những cảm xúc xót xa, đau đớn, day dứt thì người em út Thạch Lam lại hành văn theo một phái riêng như nhà văn Vũ Ngọc Phan từng nhận xét trong cuốn Những nhà văn hiện đại: *“Ngay trong tác phẩm đầu tay (Gió lạnh đầu mùa), người ta đã thấy Thạch lam đứng vào một phái riêng… Ông có một ngòi bút lặng lẽ, điềm tĩnh vô cùng, ngòi bút chuyên tả tỉ mỷ những cái rất nhỏ và rất đẹp… Phải là người giàu tình cảm lắm mới viết được như vậy…”* Có lẽ chính nhờ ngòi bút lặng lẽ, điềm tĩnh cùng dòng chảy của cảm xúc âm thầm được lồng ghép trong từng câu chữ mà khi đọc *Gió lạnh đầu mùa*, *Dưới bóng hoàng lan* hay đặc biệt nhất là truyện ngắn *Hai đứa trẻ* tâm hồn của chúng ta mới có được sự rung động mãnh liệt đến vậy.  🡪 Ở đoạn văn trên, người viết đã trích dẫn ý kiến, quan điểm của nhà văn Vũ Ngọc Phan trong cuốn Những nhà văn hiện đại để nhận xét về nhà văn Thạch Lam.  **Câu 6:** Đối với bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học, cần lưu ý điều gì khi phân tích chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm?  Trả lời: Đối với bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học, ta cần lưu ý những việc sau khi phân tích chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm:  - Cần xác định chủ đề chính của tác phẩm là gì? Chủ đề ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm (qua nhân vật, hình ảnh, sự việc, cốt truyện,…) và gợi ra thông điệp, suy nghĩ, tình cảm gì ở người đọc?  - Cần xác định và phân tích đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm thể hiện ở những phương diện nào? Những nét đặc sắc về nghệ thuật biểu hiện như thế nào trong tác phẩm? (với văn bản thơ: chú ý vần, nhịp, hình ảnh thơ, từ ngữ, biện pháp tu từ,…; với văn bản truyện: chú ý cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể, sự việc, chi tiết nghệ thuật,…).  **Câu 7:** Tìm thêm ví dụ về một số lỗi lập luận thường gặp em đã được học trong bài (ít nhất một ví dụ/ lỗi lập luận).  Trả lời:  - Ví dụ về một số lỗi lập luận thường gặp em đã được học trong bài (ít nhất một ví dụ/ lỗi lập luận) là:  Trong bài thơ “Đồng chí” của tác giả Chính Hữu. Đồng chí là cùng chung ý tưởng, ý nghĩ và ý chí. Đồng thời nó cũng là cách mà những người lính gọi nhau trong đoàn đội. Với nhan đề, bài thơ đã nói lên được bản chất cách mạng của tình đồng chí và cũng nói lên ý nghĩa của tình đồng đội. Câu thớ thứ 7 trong bài thơ là một câu thơ đặc biệt, có ý nghĩa quan trọng trong bố cục, trong mạch cảm xúc của bài và mang ý nghĩa sâu xa.  Lỗi lập luận ở ví dụ này là:  - Lỗi nêu luận điểm: Người viết chưa nếu được luận điểm khái quát về tác phẩm.  - Lỗi nêu luận cứ: Các luận cứ được đưa ra rất mơ hồ, vô định. Nội dung được đề cập tới trong các luận cứ chưa được rõ ràng như ở câu văn số 7, bị trùng lặp ý trong câu văn số 3. | |

**C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI LỚN CỦA CHỦ ĐIỂM**

***a. Mục tiêu:***

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Giá trị của văn chương.*

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho các câu hỏi trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện: Nguyen Nham-0981.713.891***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Câu 8: Thiết kế một sản phẩm sáng tạo (tranh vẽ, áp phích, tờ rơi, sơ đồ tư duy, …) để giới thiệu một tác phẩm văn học giúp em nhận ra sức mạnh của văn chương.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. | **Câu 8:** HS kết nối nội dung các VB đã đọc với câu hỏi lớn đầu bài học để có ý tưởng thiết kế sản phẩm sáng tạo. Trên lớp, HS có thể thảo luận về ý tưởng thực hiện sản phẩm sáng tạo và hoàn thiện sản phẩm tại nhà. Sau khi công bố sản phẩm, HS tiếp tục suy ngẫm về câu hỏi lớn đầu bài học: *Văn chương góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn bằng những cách nào?* |